

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT



VŨ ĐỨC NAM

Lớp : LKT 12 – 01. Khóa: XII

NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Văn Lợi

HÀ NỘI 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT**



VŨ ĐỨC NAM

Lớp : LKT 12 – 01. Khóa: XII

NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Phạm Văn Lợi

Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 21/3 đến 28/5/2022

HÀ NỘI 2022

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan Khóa luận là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân Em. Các kết quả nêu trong Khóa luận chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Khóa luận đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Em đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định Khoa Luật Đại học Đại Nam.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, Ngày 28 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI CAM ĐOAN

Vũ Đức Nam

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các thầy cô của Trường Đại Nam University, những người anh chị tiền bối, người em, bạn bè, những đội nhóm và tập thể Khoa Luật đã cho em sự năng động, sáng tạo, ý chí, kỉ luật, trung thành, trung thực, khát vọng, đặc biệt là những bài học kinh nghiệm được đánh đổi bằng thời gian, sương máu và tiền bạc.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn PGS.TS. Phạm Văn Lợi đã chỉ dạy tận tình và cũng như cho em cơ hội học hỏi, trau dồi kiến thức, tham khảo tài liệu trong suốt khoảng thời gian nghiên cứu và hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp.

Những lúc nhận được sự giúp đỡ từ thầy Phạm Văn Lợi em lại nhớ đến cố Nhạc Sĩ Trịnh Công Sơn đã từng viết:

“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng

Để làm gì? Em biết không?

Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi...”

Nói cho cùng thì chắc chắn những bài học cuộc sống mà thầy Phạm Văn Lợi trao cho không chỉ riêng em sẽ là một hành trang quý báu khi chúng em bước vào đường đời đầy thử thách và gian truân, nên phải có thái độ và tư duy đúng đắn để giải quyết mọi vấn đề không chỉ là chuyên ngành Luật hay quanh quẩn trong khuôn viên trường lớp, từ đó đủ điều kiện đáp ứng với những nhu cầu của xã hội, tạo tiền đề to lớn để thế hệ trẻ như em có cơ hội thay đổi đất nước theo đúng tinh thần *“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy/cô và những người kẻ cận quan tâm, giúp đỡ luôn có nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công hơn nữa trong cuộc sống!

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

| Viết tắt | Tiếng việt |
|----------|--|
| BLTTHS | Bộ luật tố tụng hình sự |
| CHXHCNVN | Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam |
| ĐB | Đại biểu |
| ĐBQH | Đại biểu Quốc hội |
| HĐXX | Hội đồng xét xử |
| ICCPR | International Covenant on Civil and Political Rights (Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị) |
| TA | Tòa án |
| TAND | Tòa án nhân dân |
| TANDTC | Tòa án nhân dân tối cao |
| TSKH | Tiến sĩ khoa học |
| UDHR | Universal Declaration of Human Rights (Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền) |
| VN | Việt Nam |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |
| XHCNVN | Xã hội chủ nghĩa Việt Nam |

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1 | 8 |
| MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN..... | 8 |
| 1.1. Khái quát chung về Tòa án nhân dân trong Bộ máy Nhà nước | 8 |
| 1.1.1. Vị trí của Tòa án nhân dân các cấp | 8 |
| 1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 | 9 |
| 1.1.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân..... | 13 |
| 1.1.4. Chế độ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ các chức danh trong Tòa án nhân dân, chế độ trách nhiệm của Chánh án | 17 |
| 1.2. Quá trình hình thành quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND | 18 |
| 1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân | 21 |
| 1.4. Nội dung pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân | 24 |
| 1.4.1. Khái niệm nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử | 24 |
| a/ Khái niệm nguyên tắc..... | 24 |
| b/ Khái niệm độc lập | 25 |
| c/ Khái niệm nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án | 25 |
| 1.4.2. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử | 26 |
| 1.4.3. Mối quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm | 34 |
| 1.4.4. Các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật..... | 42 |
| a/ Các yếu tố ảnh hưởng | 42 |

| | |
|---|-----------|
| <i>b/ Biện pháp khắc phục</i> | <i>44</i> |
| Tiểu kết chương 1 | 46 |
| Chương 2 | 48 |
| THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC độc lập TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN..... | 48 |
| 2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân..... | 48 |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân | 51 |
| 2.2.1. Những kết quả đạt được | 51 |
| 2.2.2. Những hạn chế, bất cập | 58 |
| 2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập | 61 |
| Tiểu kết chương 2..... | 64 |
| Chương 3 | 65 |
| Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả nguyên tắc độc lập trong xét xử của Tòa án nhân dân..... | 65 |
| 3.1. Nhu cầu hoàn thiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND theo cải cách tư pháp..... | 65 |
| 3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND | 68 |
| 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND..... | 69 |
| Tiểu kết chương 3..... | 74 |
| Kết luận | 75 |
| Danh mục tài liệu tham khảo | 77 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hoạt động thực hiện quyền tư pháp – Xét xử, khi nhắc đến hoạt động xét xử ta hiểu ngay là hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp và tính đúng đắn của hành vi pháp luật hay quyết định pháp luật khi có sự tranh chấp và mâu thuẫn giữa các bên có lợi ích khác nhau trong các tranh chấp hay mâu thuẫn đó. Hoạt động thực hiện quyền tư pháp - Xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật có thể được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, nhưng điểm chung nhất là: Thẩm phán, Hội thẩm, Bồi thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Hoạt động xét xử của Tòa án bao giờ cũng được xem là giai đoạn trọng tâm, giai đoạn quan trọng nhất nhưng cũng chính vì như thế nên các bản án, quyết định của toà án dù đã có hiệu lực hay chưa có hiệu lực pháp luật thì tính đúng pháp luật, tính nghiêm minh và kịp thời vẫn là yếu tố quan trọng nhất bảo đảm hiệu quả của cả quá trình tố tụng nói chung và của giai đoạn xét xử nói riêng.

Yếu tố “*nhân danh quyền lực nhà nước*” trong hoạt động xét xử có nghĩa rằng, đây không phải là hoạt động của cá nhân công dân, cũng không phải là hoạt động xã hội hay nghiệp đoàn. Và do đó, khi cần thiết, phán quyết của cơ quan nhân danh Nhà nước được bảo đảm thi hành bởi sự cưỡng chế hợp pháp của Nhà nước; “*xem xét, đánh giá và ra phán quyết*” là những yếu tố đặc trưng của hoạt động xét xử và do đó, có thể gọi hoạt động tư pháp là hoạt động xét xử. Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Tòa án nhân dân (TAND) là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”.

Trong tranh chấp hay xung đột mà Tòa án xem xét và phán quyết phải có từ hai chủ thể trở lên có vị trí độc lập đối với nhau về lợi ích, chứ không thể chỉ là sự dàn

xếp cho những người khác nhau về địa vị, nhưng không có gì tranh chấp với nhau. Do đó, có thể gọi sự tranh chấp của các chủ thể khác nhau về lợi ích này là sự tranh tụng (nên còn được gọi là “*tổ tụng*” - tổ tụng dân sự, tổ tụng hình sự,...).

Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử; chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm.

Thực tế thì hoạt động xét xử trong nhiều năm qua tại Tòa án nhân dân các cấp đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, sống và làm việc theo pháp luật nói chung, làm việc theo Hiến pháp và Luật Tổ tụng nói riêng được tôn trọng và bảo đảm để từ đó tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đặc biệt quyền và lợi ích của công dân được bảo vệ theo đúng quy định pháp luật. Rõ ràng rằng trong hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam thì chúng ta vẫn còn rất nhiều thiếu sót, hạn chế mà chưa thể khắc phục được, một trong số đó cụ thể là chất lượng bản án được đưa ra không cao, vẫn còn sai sót, quyết định bị sửa, hủy do lỗi của Hội đồng xét xử, vẫn còn tình trạng oan sai xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên tắc “*khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” không được nêu cao, các điều kiện bảo đảm việc thực hiện nguyên tắc này còn rất nhiều bất cập, làm cho các sai phạm từ đó được diễn ra phổ biến trong hoạt động xét xử. Vì vậy, việc nghiên cứu các quy định về nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án; chỉ ra những mặt tích cực, hạn

chế của pháp luật hiện hành có tác động trực tiếp đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nước ta thông qua hoạt động độc lập xét xử của Tòa án; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính độc lập xét xử của Tòa án là việc làm ý nghĩa và cần thiết. Từ các lý do nêu trên, em lựa chọn đề tài: ***“Nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án: Thực trạng và giải pháp”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu

Tính đến thời điểm hiện nay đã có nhiều nghiên cứu về đề tài *“Nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án, thực trạng và giải pháp”* chủ yếu là những bản đã được xuất bản công khai và đa phần là không công khai do nội dung nhạy cảm, ảnh hưởng đến thể chế. Chủ yếu các nghiên cứu công khai kể đến xoay quanh vấn đề tổ chức và hoạt động của Tòa án nói chung và nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án nói riêng, tiêu biểu như sau:

- Nguyễn Đăng Dung, *Thế chế Tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005.
- Montesquieu, *Bàn về tinh thần pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006
- Phí Thành Chung, Quyền tư pháp và một số nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCNVN - Tạp chí Tòa án ngày 26/4/2018
- TSKH. Lê cảm - TS.Nguyễn Ngọc Chí (đồng chủ biên), *Cải cách Tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, xuất bản 4/2004....

Nhìn chung, các đề tài lựa chọn của tác giả nhằm mục đích khẳng định đường lối chủ trương của Đảng trong cải cách tư pháp là đúng đắn, kịp thời và nên được thống nhất thực hiện, đưa ra các giải pháp chỉ thích hợp với thời kỳ cũ; đến nay Việt Nam ta đã phát triển đến giai đoạn khác nên một vài số liệu chưa được cập nhật, chưa

giải quyết được những thiếu sót trong thời điểm hiện tại và chỉ đọc mang tính chất tham khảo.

Trên cơ sở tiếp thu, tổng hợp những đề tài, bài viết trước, cùng với sự tìm tòi và quá trình nghiên cứu của mình, em đi vào phân tích nguyên tắc "*Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*", để đánh giá thực tiễn việc áp dụng nguyên tắc này, đồng thời chỉ ra những bất cập và đưa ra những giải pháp thích hợp để nguyên tắc được thực thi có hiệu quả hơn.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Khóa luận nghiên cứu một số vấn đề lý luận về nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án. Chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế của pháp luật hiện hành có tác động trực tiếp đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nước ta thông qua hoạt động độc lập xét xử của Tòa án. Qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính độc lập xét xử của Tòa án trong hoạt động xét xử.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Qua mục tiêu nêu trên thì cần đặt ra những nhiệm vụ:

- Làm rõ một số vấn đề lý luận về nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.
- Đánh giá ưu điểm, hạn chế của việc áp dụng nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án trong giai đoạn hiện nay.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính độc lập xét xử của Tòa án.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là các quy định của pháp luật hiện hành về nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.

Phạm vi chủ thể mà đề tài nghiên cứu: Khóa luận tập trung nghiên cứu về Tòa án nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn khoảng từ năm 2010 đến thời điểm hiện tại.

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu dùng trong Khóa luận dựa trên cơ sở của phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp quy nạp và diễn giải.

Ngoài ra, khóa luận còn sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

- Nghiên cứu nội dung của các quy định pháp luật: Khi Khóa luận cần có sự trích dẫn thực sự chính xác về các quy định của pháp luật thì *“phương pháp nghiên cứu nội dung của các quy định pháp luật”* tỏ rõ được sự hiệu quả cụ thể trong chương 2 có phần Các quy định của pháp luật về nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật và một vài trích dẫn nằm rải rác trong chương 1 và 3.

- *Phương pháp nghiên cứu tại chỗ*: Nội dung phương pháp này trải dài khắp 3 chương, sử dụng để nghiên cứu các nội dung, rà soát, đánh giá hệ thống văn bản pháp luật đã và đang có hiệu lực thi hành; tìm hiểu, tra cứu, thu thập các tài liệu cả trong và ngoài nước về vấn đề chính và các vấn đề liên quan đến đề tài Khóa luận.

- *Phương pháp so sánh luật*: So sánh luật pháp nước ta và luật pháp nước ngoài, từ đó tham khảo cách chính sách, quy định của pháp luật quốc tế, chủ yếu phương pháp này tập trung vào các thành tựu và những điểm mới trong phần thực trạng.

- *Phương pháp phân tích*: được sử dụng để nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam về đề tài Khóa luận.

- *Phương pháp tổng hợp*: Trên cơ sở những nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tổng hợp các kết quả thu được, đưa ra những đề xuất về cách thức, phương pháp cụ thể hóa lý thuyết liên quan tới xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.

7. Đóng góp của đề tài

- Khóa luận hệ thống hóa, làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận về tính độc lập của Tòa án trong việc xét xử.

- Trên cơ sở đánh giá tính độc lập của Tòa án, khóa luận đánh giá thực các quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND. Từ đó chỉ ra ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của bất cập trong quá trình áp dụng nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND.

- Khóa luận xác định rõ nhu cầu hoàn thiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND theo cải cách tư pháp, từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND, ngoài ra còn có một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND.

8. Bố cục của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì khóa luận tổng cộng gồm có 3 chương:

- **Chương 1**: Một số vấn đề lý luận về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

- **Chương 2:** Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

- **Chương 3:** Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả nguyên tắc độc lập trong xét xử của Tòa án nhân dân

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. Khái quát chung về Tòa án nhân dân trong Bộ máy Nhà nước

1.1.1. Vị trí của Tòa án nhân dân các cấp

Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập trung quyền lực có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện quyền tư pháp mà chủ yếu là quyền xét xử là một trong những chức năng rất quan trọng của Nhà nước Việt Nam và được giao cho Tòa án nhân dân. Do vậy, Tòa án nhân dân có vị trí rất quan trọng trong bộ máy nhà nước.

Toà án có vị trí trung tâm trong các cơ quan tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*” đã khẳng định: “*Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định bổ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó xác định Toà án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm*”.

Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Toà án nhân dân có vai trò quan trọng trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Toà án nhân dân là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm.

1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức Toà án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013

Quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (Hiến pháp năm 2013) về Toà án nhân dân được thực hiện trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Cải cách tư pháp ở nước ta trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Thứ nhất, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là tư tưởng xuyên suốt được thể hiện trong các Văn kiện của Đảng ta nhiều năm nay. Từ góc độ tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mang những đặc điểm chính sau đây:

Một là, bảo đảm dân chủ xã hội chủ nghĩa; tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp phải nhằm mục đích bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người theo quy định của pháp luật.

Hoạt động tư pháp là hoạt động giải quyết các tranh chấp trong xã hội, xử lý các vi phạm pháp luật. Hoạt động đó liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích của con người, của công dân. Vì vậy, trong hoạt động Tư pháp, vi phạm quyền con người, quyền công dân và lợi ích chính đáng có nguy cơ xảy ra rất cao. Do đó, tổ chức và hoạt động tư pháp, nhất là của Toà án một mặt phải hiệu quả, bảo vệ quyền con người, lợi ích nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; nhưng trước hết, Toà án phải là biểu tượng của Công lý, là nơi công dân gửi gắm niềm tin rằng bất kỳ vi phạm pháp luật nào cũng bị xử lý nghiêm minh; bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp nào của con người, của công dân bị xâm phạm

đều được bảo vệ theo đúng pháp luật. Do vậy, mỗi khi con người có tranh chấp và khởi kiện đến Tòa án thì Tòa án không được từ chối giải quyết vì bất cứ một lý do gì.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Quyền lực nhà nước (cũng là quyền lực của nhân dân) là thống nhất, không thể phân chia. Tuy nhiên, việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phân công rõ ràng theo chức năng cơ bản của mỗi loại cơ quan: Quyền lập pháp phải do cơ quan lập pháp - Quốc hội - thực hiện; quyền hành pháp phải do cơ quan hành pháp - Chính phủ - thực hiện; quyền tư pháp phải do cơ quan tư pháp - Tòa án - thực hiện. Ví dụ, không thể để tình trạng giao cho cơ quan hành pháp thẩm quyền xét xử, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật (thuộc chức năng tư pháp) và ngược lại. Bởi vì điều đó trái với nguyên tắc phân công thực hiện quyền lực của Nhà nước pháp quyền, dẫn đến tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và vì vậy làm giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Khi đã có sự phân công thực hiện quyền lực nhà nước thì không thể thiếu sự giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực giữa các cơ quan để tránh lạm quyền. Đây là điểm mới rất quan trọng trong quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Do đó, việc xây dựng các cơ chế (giám sát ngoài hệ thống, giám sát trong từng hệ thống; giám sát nhà nước và giám sát xã hội...) để hoạt động giám sát phù hợp với từng loại cơ quan, tránh chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm khách quan, hiệu quả là rất cần thiết. Đối với Tòa án nhân dân, do xuất phát từ chức năng (xét xử, áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm, tranh chấp pháp luật), tổ chức (theo cấp xét xử, không theo đơn vị hành chính) và các

nguyên tắc hoạt động cơ bản (như nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc hai cấp xét xử; nguyên tắc Tòa án cấp trên giám đốc hoạt động xét xử Tòa án cấp dưới)... đòi hỏi cơ chế kiểm soát, giám sát phải có tính đặc thù, tránh trường hợp "vừa đá bóng, vừa thổi còi", ảnh hưởng đến tính đúng đắn, khách quan của hoạt động tư pháp; đảm bảo thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án.

Thứ hai, việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta nhằm mục đích xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, hiệu quả, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Làm rõ quyền tư pháp và từ đó xác định cơ quan có chức năng thực hiện quyền tư pháp là rất quan trọng. Quyền tư pháp là quyền xét xử, tức quyền áp dụng pháp luật để ra phán quyết về các vi phạm pháp luật và các tranh chấp xảy ra trong xã hội. Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, là cơ quan xét xử duy nhất của Nhà nước. Vì vậy, xử lý các vi phạm pháp luật bằng chế tài Nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực Nhà nước đều phải thuộc thẩm quyền của Tòa án. Các cơ quan nhà nước khác tham gia vào việc xử lý, giải quyết đó không phải là cơ quan tư pháp, không có chức năng thực hiện quyền tư pháp mà các cơ quan này chỉ thực hiện các hoạt động tư pháp. Từ đó, mở rộng thẩm quyền của Tòa án trong xét xử các loại vụ án, giao cho Tòa án bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật là xu thế tất yếu của nhà nước pháp quyền. Điều đó thể hiện vị trí trung tâm của Tòa án trong hệ thống tư pháp, khẳng định vị trí trọng tâm của hoạt động xét xử trong các hoạt động tư pháp.

Hiến pháp năm 2013 kế thừa những nội dung hợp lý, phù hợp của Hiến pháp năm 1992 về Tòa án nhân dân, đồng thời có những sửa đổi, bổ sung quan trọng đáp ứng yêu cầu Cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay.

Tại Điều 102 của Hiến pháp quy định chức năng, hệ thống tổ chức và nhiệm vụ của Tòa án nhân dân như sau:

1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.

3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Như vậy, cũng như Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 khẳng định chỉ Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án khác do luật định là những cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, tức có chức năng xét xử các vụ án, giải quyết các việc có tranh chấp theo thẩm quyền quy định. Ngoài Tòa án nhân dân không có cơ quan nào khác được giao phán xử về các vi phạm pháp luật, các tranh chấp trong xã hội. Quy định này phù hợp với việc phân công thực hiện quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định bản chất nhân dân của Tòa án nước ta thông qua tên gọi và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động. Tuy nhiên, khác với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 có quy định mới về hệ thống tổ chức và nhiệm vụ của Tòa án nhân dân. Khoản 2 Điều 102 quy định khái quát, theo nguyên tắc mở về hệ thống Tòa án nhân dân. Ngoài Tòa án nhân dân tối cao, Hiến pháp năm 2013 không liệt kê cụ thể các Tòa án khác, mà giao cho luật định. Điều này bảo đảm tính khái quát, ổn định lâu dài của Hiến pháp và tính linh hoạt của luật phù hợp nhu cầu phát triển của đất nước trong từng thời khác nhau. Cụ thể hoá Hiến pháp, Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 2014 quy định Toà án nhân

dân ở nước ta gồm Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện.

Hiến pháp năm 2013 không quy định về Tòa án đặc biệt để phù hợp với bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với yêu cầu bảo vệ quyền con người, hội nhập quốc tế hiện nay, đồng thời bỏ quy định về tổ chức hòa giải ở cơ sở. Bởi vì, dù việc thành lập các tổ chức ở cơ sở để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân là cần thiết, nhưng lại không thuộc chức năng tư pháp của Tòa án nhân dân, không thuộc hệ thống Tòa án nhân dân và không cần thiết ở mức hiến định.

Quy định của Hiến pháp năm 2013 về nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cũng là một điểm mới cần ghi nhận. Thay cho việc quy định chung nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân với nội dung không thể hiện tính đặc thù trong hoạt động của Tòa án, Hiến pháp năm 2013 quy định riêng nhiệm vụ của Tòa án nhân dân.

Hiến pháp nhấn mạnh rằng bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân là những nhiệm vụ đầu tiên của Tòa án nhân dân, sau đó mới là nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tòa án phải là nơi mà mọi người, mọi công dân tìm đến lẽ phải, sự thật; có nhiệm vụ bảo vệ công lý khi quyền, lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức bị xâm hại; khi công dân yêu cầu Tòa án giải quyết mọi tranh chấp thì Tòa án có trách nhiệm thụ lý giải quyết mà không có quyền từ chối.

1.1.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân

Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định các nguyên tắc cơ bản tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân. Đó là:

1. Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

2. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

3. Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín.

4. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

5. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.

6. Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm.

7. Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm.

Theo quy định trên thì Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa và có bổ sung cho chính xác, phù hợp với thực tiễn và tinh thần cải cách tư pháp một số nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân - cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp ở nước ta. Đó là:

- Nguyên tắc xét xử có hội thẩm tham gia

Theo Hiến pháp năm 2013 thì Hội thẩm chỉ tham gia trong xét xử ở cấp sơ thẩm; còn việc xét xử ở cấp phúc thẩm là không bắt buộc. Sự sửa đổi này cũng xuất phát từ thực tiễn xét xử những năm qua.

- Nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập

Nguyên tắc này có một bổ sung quan trọng trong Hiến pháp năm 2013. Đó là “*Cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*”. Bổ sung này nhấn mạnh tầm quan trọng cũng như thái độ dứt khoát của Nhà nước ta đối với việc can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc này trên thực tế.

- Nguyên tắc xét xử tập thể

Để thực hiện cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả của việc xét xử, bảo đảm cho việc xét xử nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm, Hiến pháp năm 2013 quy định ngoại lệ cho phép Tòa án xét xử bằng một Thẩm phán trong trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn

- Nguyên tắc xét xử công khai

Thay cho quy định trường hợp ngoại lệ do luật định trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 quy định cụ thể điều kiện cho phép Tòa án xét xử kín. Đó là “*Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự*” thì Tòa án phải xét xử kín;

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự

Để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền con người một cách toàn diện, công bằng, Hiến pháp năm 2013 ngoài việc quy định quyền bào chữa của bị can, bị cáo, còn bổ sung việc bảo đảm quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của các đương sự khác như người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 bổ sung một số nguyên tắc quan trọng, bảo đảm sự phù hợp với tinh thần Cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người và thông lệ quốc tế. Các nguyên tắc được bổ sung là:

- Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm

Đây là nguyên tắc thể hiện nội dung rất quan trọng trong Cải cách tư pháp ở nước ta. Sự thật chỉ được xác định, công lý chỉ được thiết lập khi có sự tranh tụng giữa các bên trong tố tụng tư pháp, nhất là trong xét xử các vụ án;

- Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm

Nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc xuyên suốt của hệ thống tư pháp của bất kỳ một quốc gia nào; được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế về quyền con người và pháp luật của mọi quốc gia. Thực hiện hai cấp xét xử là một trong những biện pháp bảo vệ quyền con người hữu hiệu; đồng thời bảo đảm cho hoạt động tư pháp thận trọng nhưng có điểm dừng, tránh kéo dài, chậm trễ.

Khác với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 không quy định nguyên tắc Tòa án nhân dân bảo đảm cho công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc các dân tộc quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trước Tòa án. Đây là một quy định rất quan trọng, nhưng không chỉ trong lĩnh vực tư pháp, mà cả trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tinh thần quan trọng này đã được Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 3 Điều 5 “*Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết... của mình*”, nên không cần quy định lặp lại ở chương về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân nữa.

Hiến pháp năm 2013 không quy định nguyên tắc xét xử trực tiếp, nguyên tắc xét xử liên tục vì không đặc trưng cho hoạt động xét xử và phù hợp với thực tiễn hoạt động tư pháp ngày càng phức tạp, thường xuyên kéo dài hiện nay. Đồng thời, tạo điều kiện để Tòa án hoạt động có hiệu quả về mặt thời gian, chi phí vật

chất; sử dụng công nghệ kỹ thuật số hiện đại; bảo đảm an toàn cho những người tham gia tố tụng khi cần thiết.

1.1.4. Chế độ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ các chức danh trong Tòa án nhân dân, chế độ trách nhiệm của Chánh án

Các Điều 104, Điều 105, Hiến pháp năm 2013 cơ bản vẫn giữ lại các quy định của Hiến pháp năm 1992 về Tòa án nhân dân tối cao cũng như Chánh án, Thẩm phán Tòa án nhân dân và có những bổ sung cần thiết.

Ngoài việc giữ lại quy định Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tòa án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác, trừ trường hợp do luật định, Hiến pháp năm 2013 bổ sung nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao là thực hiện việc tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Như vậy, Hiến pháp năm 2013 giao cho Tòa án nhân dân tối cao bằng các biện pháp khác nhau như hướng dẫn áp dụng pháp luật bằng các nghị quyết; ban hành án lệ... để bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử của các Tòa án nhân dân.

Hiến pháp năm 2013 bổ sung quy định về Chánh án, Thẩm phán các cấp. Theo đó, nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án khác, của Thẩm phán, nhiệm kỳ của Hội thẩm do luật định. Đây là những căn cứ hiến định cho việc cụ thể hóa quy định của Hiến pháp trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

Hiến pháp năm 2013 có bổ sung quan trọng về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo khoản 7 Điều 70, Khoản 3 Điều 88 thì Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo phê chuẩn của Quốc hội. Thẩm phán các cấp khác do Chủ tịch nước bổ nhiệm

theo đề nghị của Hội đồng tuyển chọn và giám sát Thẩm phán quốc gia. Quy định này thể hiện nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước trong Nhà nước pháp quyền, nâng cao vị thế của cơ quan tư pháp (Toà án) tương xứng với cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp; bảo đảm nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Về chế độ báo cáo và chế độ trách nhiệm, Chánh án Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Một điều đáng lưu ý là Hiến pháp năm 2013 chỉ quy định về chế độ báo cáo của các Tòa án khác, mà không quy định chế độ trách nhiệm như Hiến pháp năm 1992. Đây cũng là sửa đổi quan trọng của Hiến pháp năm 2013, nhằm hướng tới xây dựng hệ thống Tòa án không quá phụ thuộc vào các đơn vị hành chính lãnh thổ; bảo đảm nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm.

Hiến pháp năm 2013 giữ lại quy định của Hiến pháp năm 1992 về hiệu lực của phán quyết mà Tòa đưa ra, nhưng được diễn đạt lại cho gọn. Điều 106 quy định *“Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*.

1.2. Quá trình hình thành quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND

Nguyên tắc: *“Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”* đã được đề cập một cách mạnh mẽ trong Bộ luật Hồng Đức. Điều 672 Bộ luật này quy định: *“Các quan kể trên phải xét xử cho công bằng và đúng pháp luật”*. Điều 720 cũng

qui định: “*Không ai được cố chấp ý riêng mình, bắt mọi người phải tuân theo*”. Tuy nhiên, đây chỉ mới là những manh nha của nguyên tắc xét xử độc lập.

Nguyên tắc khi xét xử: Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật được qui định trong các bản Hiến pháp của Việt Nam kể từ Hiến pháp năm 1946. Lịch sử phát triển của Nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn với 04 bản Hiến pháp được ban hành tại những thời điểm lịch sử khác nhau. Tuy có sự thay đổi rất nhiều thể chế, hệ thống tổ chức bộ máy song nguyên tắc độc lập của các thẩm phán trong hoạt động xét xử đều được qui định trong các bản hiến pháp và các đạo luật khác được ban hành như Bộ luật Tổ tụng Hình sự (BLTTHS), Bộ luật Tổ tụng Dân sự. Nguyên tắc này khẳng định trong hoạt động xét xử, thẩm phán không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khi đưa ra các nhận định đánh giá và phán quyết của mình về vụ án. Mọi cá nhân, tổ chức không được can thiệp vào hoạt động xét xử của tòa án.

Nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đã nâng cao trách nhiệm của các thẩm phán, buộc họ nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, chủ động nghiên cứu mọi tình tiết của vụ án, không bị lệ thuộc vào những lý do của những người tham gia tố tụng hay những kết luận của Viện Kiểm sát đưa ra.

Cơ sở lý luận của nguyên tắc độc lập xét xử của thẩm phán gắn liền với việc tổ chức bộ máy Nhà nước theo cơ chế phân công và kiểm soát quyền lực. Trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước Việt Nam những nguyên lý cơ bản của việc phân công quyền lực, kiểm soát và giám sát lẫn nhau. Tính độc lập của thẩm phán là một trong những biểu hiện rõ nét của cơ chế phân chia quyền lực ở Việt Nam. Về lý luận cũng như thực tiễn cho thấy, hoạt động của bộ máy Nhà nước sẽ mất đi những giá trị xã hội to lớn của nó nếu tính độc lập của thẩm phán không được đảm bảo. Sự vi phạm nguyên tắc này dẫn đến sự lạm dụng quyền

lực, sự thoái hóa của quyền lực và xã hội dĩ nhiên sẽ gánh chịu những hậu quả to lớn của tình trạng này.

Tính độc lập của thẩm phán chính là sự gắn kết tuyệt đối các thẩm phán với luật pháp. Tính độc lập của thẩm phán bảo vệ quyền lực tư pháp trước sự can thiệp từ phía lập pháp và hành pháp. Montesquieu cho rằng: Quyền lực nào cũng bị đe dọa lạm dụng, như vậy người nào cũng có xu thế lạm dụng quyền lực mình đang có trong tay, cho tới khi chạm phải rào cản. Với quyền lực tư pháp, Montesquieu chủ trương khi xét xử thẩm phán không cần nhận chỉ thị từ đâu, mà chỉ tuân thủ luật pháp. Khi giải thích, áp dụng các chuẩn mực, thẩm phán không cần phải theo ý kiến đa số và cần hành động dựa vào pháp luật và niềm tin nội tâm.

Ở Việt Nam việc xét xử còn do các hội thẩm nhân dân thực hiện. Vì vậy, nguyên tắc xét xử độc lập động chạm đến không chỉ thẩm phán mà cả hội thẩm nhân dân. “*Khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Độc lập xét xử được xem xét từ các khía cạnh yếu tố bên trong lẫn yếu tố bên ngoài. Thông thường thì độc lập với yếu tố bên ngoài được hiểu là khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân không bị phụ thuộc vào kết luận của cơ quan điều tra, cáo trạng và quyết định truy tố của cơ quan điều tra, công tố. Tại phiên tòa, thẩm phán phải trực tiếp xem xét những chứng cứ của vụ án chứ không căn cứ vào các kết luận trong hồ sơ của vụ án. Thẩm phán chỉ được căn cứ vào những chứng cứ được xem xét tại phiên tòa để đưa ra bản án.

Ngoài mối quan hệ với cơ quan điều tra, viện kiểm sát, thẩm phán, hội thẩm nhân dân còn mối quan hệ với các luật sư, các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội. Thực tế, trong rất nhiều trường hợp, thẩm phán, hội thẩm nhân dân bị ảnh hưởng, tác động từ phía luật sư, các tổ chức, cá nhân, các cơ quan Nhà nước, làm sai lệch quá trình tố tụng, ảnh hưởng không ít tới hoạt động tố tụng nhằm hướng tới việc xét xử có lợi cho mình. Do đó, thẩm phán phải luôn ý thức được rằng

mình là người phải chịu trách nhiệm về nội dung, về tính công minh của bản án. Vì thế, thẩm phán phải có bản lĩnh và phải đứng vững trước những tác động từ các yếu tố bên ngoài. Như vậy, xét từ những yếu tố bên ngoài thì nguyên tắc: “*khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” không cho phép bất cứ ai, cơ quan Nhà nước nào can thiệp vào việc xét xử của tòa án dưới bất cứ lý do nào.

1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

Từ những dữ liệu nêu trên, có thể thấy nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật cùng với các nguyên tắc cơ bản khác của luật tố tụng hình sự đã góp phần trong việc bảo đảm cho quá trình tiến hành tố tụng diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất. Là căn cứ giúp cho Tòa án thực hiện tốt chức năng của mình theo những quy định pháp luật, đồng thời nêu cao được trách nhiệm của Hội thẩm và Thẩm phán.

Có lẽ đây lại là một sự khẳng định “*độc lập*” và “*chỉ tuân theo pháp luật*” là hai yếu tố hết sức quan trọng, có một mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể tách rời. Độc lập là một điều kiện cần để Hội thẩm cũng như Thẩm phán khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật, Ngược lại thì tuân theo pháp luật lại là cơ sở không thể nào thiếu để có thể đảm bảo tính độc lập tại phiên tòa xét xử. Mối quan hệ này rõ ràng là sự ràng buộc, nếu mà chỉ độc lập nhưng không tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng hình sự thì sẽ rất dễ dẫn đến xét xử một cách tùy tiện, mang tính độc đoán và coi thường pháp luật.

Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai yếu tố không chỉ được xem là cơ bản khi nó ngoài việc điều chỉnh hoạt động của Hội đồng xét xử mà còn thể hiện rõ nghĩa vụ của các cá nhân, cơ quan, tổ chức phải tuyệt đối tôn trọng và tuân theo. Tất cả mọi hành vi có ý định can thiệp vào hoạt động xét xử, gây ảnh hưởng

đến việc xét xử công khai, hợp pháp, đúng đắn, hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào, cũng như tùy vào mức độ vi phạm thì bị xử phạt, xử lý kỷ luật, có thể chỉ là vi phạm hành chính, cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là một nội dung rất mới, khi đưa vào nguyên tắc đã nêu cao quan điểm của nhà nước trong việc ủng hộ tính độc lập của tòa án. Vô hình trung góp phần không hề nhỏ về việc nâng cao hiệu quả cho hoạt động xét xử, hạn chế tối đa các trường hợp án oan sai, án bỏ túi đưa vào quên lãng, gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan đến vụ án. Bởi vì khi và chỉ khi chủ thể có cái quyền đưa ra phán quyết cuối cùng trong vụ án thật sự độc lập, công bằng, minh bạch, làm việc đúng nội dung, trình tự thủ tục thì lúc đó mới chắc chắn đảm bảo bản án ấy là đúng người đúng tội.

Nguyên tắc này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động xét xử, và chúng ta có thể chia ngay thành ba nhóm cơ bản:

- Về mặt chính trị, xã hội:

Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật lại một lần nữa chứng minh vị trí cũng như vai trò của tập thể hội đồng xét xử trong cơ quan Tòa án nói chung và cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng, chỉ có Tòa án mới có quyền xét xử và khi xét xử, khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Không một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào được phép can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án và hoạt động xét xử của Tòa án (cụ thể là của Thẩm phán và của Hội thẩm) phải đảm bảo sự độc lập trên cơ sở chỉ tuân theo pháp luật, không tuân theo bất cứ sự chỉ đạo khác nào ngoài pháp luật, trái pháp luật. Nguyên tắc đã nêu nên triết lý thâm sâu ở chỗ bảo đảm cho sự công bình giữa dân thường và quan chức khi phạm tội thì đều có thể bị đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật, không có sự ân xá nào mang tên “đã từng làm công chức”. Việc xét xử không phải là đồ đôn hay trao toàn quyền tự quyết về tay một cá nhân

nào mà là cả một tập thể, và chắc chắn phải có sự tham gia xét xử, giám sát của nhân dân thông qua người đại diện của họ chính là Hội thẩm. Nguyên tắc này một lần nữa nêu cao, thể hiện bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ, tham gia, giám sát các hoạt động của Nhà nước.

- Về mặt pháp lý:

Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một cơ sở pháp lý để việc xét xử diễn ra khách quan, đúng pháp luật. Và đây cũng là một trong những biện pháp bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, từ đó đưa ra cách hành xử đúng mực với từng vị trí, vai trò của mình trong tư cách là người thi hành pháp luật. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử vừa là quyền cũng như là nghĩa vụ của Thẩm phán và Hội thẩm trong phiên tòa xét xử.

- Về mặt thực tiễn:

Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đảm bảo việc xét xử được diễn ra tron tru, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đặc biệt là có ý quan trọng trong việc loại trừ các sự tác động không cần thiết, tiêu cực của cơ quan, tổ chức có quyền lực khác đến Hội đồng xét xử, trong đó có Thẩm phán và Hội thẩm, đảm bảo được sự bình đẳng, độc lập giữa các thành viên khác.

Ngoài ra, độc lập tư pháp là vấn đề luôn gắn chặt với Nhà nước pháp quyền. Tòa án không làm luật, không tổ chức thi hành pháp luật; Tòa án chăm lo tới việc xử lý các vi phạm pháp luật, giải quyết các tranh chấp pháp luật và thậm chí phán quyết trực tiếp về quyền con người.

Rõ ràng, độc lập tư pháp là một yếu tố, một nội dung không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền; bảo đảm độc lập tư pháp, chính là bảo đảm cho nguyên tắc pháp quyền được thực hiện trên thực tế ở mọi quốc gia hiện đại.

Thực tiễn cũng cho thấy, nguy cơ đe dọa sự độc lập tư pháp rất phong phú và đến từ nhiều phía.

- Đó có thể là sự can thiệp ngoài chế ước của lập pháp và hành pháp;
- Các mối quan hệ bên trong hệ thống, nhất là quản trị tư pháp;
- Các cá nhân, tổ chức có liên quan trong các vụ án;
- Các cá nhân, tổ chức cơ quan Đảng...

Đồng thời, độc lập của Toà án cũng phụ thuộc rất nhiều vào khả năng độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm và những người có thẩm quyền khác của Tòa án. Trình độ, năng lực, phẩm chất dám phán quyết độc lập, dám chịu trách nhiệm, vững vàng trước cám dỗ... là những phẩm chất cực kỳ quan trọng của người Thẩm phán.

Như vậy, độc lập xét xử không chỉ là lời nói suông, câu khẩu hiệu, mà là một vấn đề rất quan trọng vì công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bảo đảm cho xét xử độc lập là điều kiện tiên quyết để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người - nhiệm vụ thiêng liêng của Toà án, cơ quan thực hiện quyền tư pháp.

1.4. Nội dung pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

1.4.1. Khái niệm nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử

a/ Khái niệm nguyên tắc

Nguyên tắc là luận điểm gốc của học thuyết nào đó, tư tưởng chỉ đạo của quy tắc hoạt động hay là niềm tin, quan điểm đối với sự vật và chính quan điểm,

niềm tin đó xác định quy tắc hành vi, đồng thời cũng có thể là nguyên lý cấu trúc hoạt động của bộ máy dụng cụ thiết bị nào đó.

Ngoài ra, nguyên tắc có thể là tư tưởng chủ đạo và định hướng cơ bản được thể hiện xuyên suốt toàn bộ hoặc một giai đoạn nhất định đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân theo.

b/ Khái niệm độc lập

Xét về mặt tính từ: Độc lập là từ gốc Hán, độc tức là một, lập là đứng; vậy độc lập tức là đứng một mình, không phụ thuộc vào ai.

Còn theo Từ điển Tiếng Việt thì độc lập là tự mình tồn tại tự mình tồn tại, hoạt động, không nương tựa hoặc phụ thuộc vào ai, vào cái gì khác. Từ đó có thể thấy rõ ràng hai nghĩa đều rất sát nhau.

Xét về mặt danh từ thì: Độc lập là trạng thái của một nước hoặc một dân tộc có chủ quyền về chính trị, không phụ thuộc vào nước khác hoặc dân tộc khác.

Cũng theo Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản khoa học xã hội năm 1994 thì độc lập là “*tự mình tồn tại hoạt động, không nương tựa hoặc phụ thuộc vào ai và cái gì khác*”.

c/ Khái niệm nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án

Căn cứ Điều 23 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 quy định:

“Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật”. Từ những gì đã nêu ở trên, có thể tóm gọn lại là: Nguyên tắc độc lập xét xử là khi xét xử các vụ việc, vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm phải tự mình quyết định các vấn đề, không bị chi phối bởi môi trường bên ngoài (môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, môi trường quốc tế), kể cả việc ra bản án độc lập bằng những chứng cứ khách quan, ý thức pháp luật, niềm tin vào công lý đồng thời là sự bản lĩnh đối diện với cái xấu mà xã hội loài người cần triệt tiêu, loại bỏ để hướng đến một xã hội hoà bình, ổn định.

1.4.2. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử

Căn cứ quy định tại Điều 23 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cho thấy: Rõ ràng sự độc lập của Hội thẩm và Thẩm phán là tổng hợp các biện pháp, phương tiện về xã hội, kinh tế, pháp luật và tổ chức nhằm hạn chế hay ngăn chặn những tác nhân có hại cho hoạt động xét xử và chính sự độc lập đó được xem là “*sự độc lập trên thực tế*” đối với các yếu tố bên ngoài và những yếu tố mang tính chủ quan của Thẩm phán, Hội thẩm trong khi xét xử. Đối chiếu vào Hiến pháp năm 2013 quy định về nguyên tắc xét xử độc lập có nội dung mới so với bản cũ là Thẩm phán, Hội thẩm độc lập trong mọi hoạt động của mình theo quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi bắt đầu thụ lý vụ án cho đến lúc kết thúc phiên tòa, ở đây chứng tỏ không chỉ giới hạn ở chữ “*khi xét xử*” như quy định của Hiến pháp năm 1992. Quy định cũng nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Hội thẩm, Thẩm phán trong việc xét xử của mình.

Cơ sở của nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm được xác định như sau:

- Việc tổ chức thực hiện quyền lực trong Nhà nước pháp quyền có sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đặc biệt, chức năng đặc biệt của Tòa án là thực hiện quyền tư pháp, xử lý các vi phạm pháp luật từ phía các cơ quan, tổ chức, cá nhân, kể cả của cơ quan lập pháp (bảo hiến) và hành pháp (các vụ án hành chính); xử lý các tranh chấp pháp luật trong xã hội. Trong hoạt động đó, người vi phạm, người có quyền, lợi ích liên quan trong các vụ án bao giờ cũng có xu thế can thiệp, tạo áp lực để Tòa án phán quyết có lợi cho mình. Cho nên, để đảm bảo tính vô tư, khách quan, để công lý được thực thi, Thẩm phán, Hội thẩm cần được độc lập phán xét theo pháp luật, theo lương tâm, cảm nhận công lý của mình.

Đồng thời, trong cơ chế tổ chức thực hiện quyền lực trong Nhà nước pháp quyền, Tòa án, cơ quan thực hiện quyền tư pháp bao giờ cũng có vai trò yếu thế hơn so với cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp. Vì thế cho nên, chỉ có thể trao cho Thẩm phán, Hội thẩm quyền độc lập và các đảm bảo để độc lập thì Thẩm phán, Hội thẩm mới có thể ra được các phán quyết vô tư, khách quan, đúng pháp luật, vì công lý.

- Nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật được xác định trên cơ sở nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người của Tòa án. Tòa án nhân danh nước CHXHCNVN thực hiện quyền tư pháp, chứ không phải nhân danh Nhà nước như các cơ quan nhà nước khác. Nhiệm vụ đầu tiên là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

- Thực trạng tình hình can thiệp khá phổ biến vào hoạt động xét xử ở các quốc gia, đặc biệt là Việt Nam cũng là cơ sở thực tiễn quan trọng để xác định nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Đồng thời, thực tiễn đó cũng đặt ra vấn đề xác định cơ chế, các điều kiện đảm bảo thực

hiện nguyên tắc đó trên thực tế; tránh để nguyên tắc trở thành câu khẩu hiệu suông, thiếu tính khả thi.

- Đặc biệt, trong điều kiện Đảng lãnh đạo trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng đòi hỏi xác định nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Xác định nguyên tắc độc lập xét xử nhằm phân biệt rõ ràng, rành mạch phạm vi, biện pháp, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tư pháp và hoạt động tư pháp; loại trừ nguy cơ một số cơ quan, cá nhân nhân danh sự lãnh đạo của Đảng để can thiệp vào hoạt động bảo vệ công lý, hạ thấp uy tín của Đảng trước Nhân dân và pháp luật.

- Xác định nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án nói chung, của Thẩm phán, Hội thẩm nói riêng đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. Các chuẩn mực quốc tế về tư pháp. Các Công ước của Liên hợp quốc về quyền con người (về quyền dân sự, chính trị; về quyền văn hoá, xã hội...); Dự án Công lý quốc tế; Quy tắc đạo đức Thẩm phán Bangladesh... là những văn kiện quốc tế về độc lập tư pháp mà Việt Nam cần tuân thủ và nội luật hoá trong hệ thống pháp luật của mình.

Trên thế giới, ta có thể chia ra làm hai nhóm riêng biệt, cụ thể:

Nhóm thứ nhất, bao gồm tập hợp các biện pháp bảo đảm tính độc lập của các thiết chế Tòa án nói chung, từ đó đảm bảo cho từng Thẩm phán làm việc một cách độc lập. Như đã đề cập đến các thiết chế Tòa án thì biện pháp bảo đảm cụ thể ở đây là sự độc lập về mặt tài chính, thi hành các bản án, quản lý cơ sở vật chất hiệu quả.

Nhóm thứ hai, bao gồm tất cả những biện pháp bảo đảm trực tiếp đến cá nhân Thẩm phán độc lập việc xét xử, nhóm này thực sự dễ tiếp cận và nghiên cứu, các biện pháp bảo đảm cụ thể: sự nghiệp của thẩm phán được bảo đảm, cơ chế tuyển dụng, hình thức đãi ngộ, quản lý đề bạt khách quan và chắc chắn phải dựa

trên tiêu chuẩn, tiêu chí, thang đo đánh giá khách quan, hợp lý, chế độ thưởng phạt rõ ràng, khách quan và đặc biệt sự an toàn của Thẩm phán phải được bảo đảm.

Từ những gì nêu trên có thể nhận thấy rằng nguyên tắc Thẩm phán độc lập không chỉ là kêu gọi, áp đặt các nghĩa vụ lên Thẩm phán mà trong đó phải có được những biện pháp bảo đảm để tránh những yếu tố bên ngoài làm ảnh hưởng đến yếu tố sức khỏe tinh thần và sức khỏe thể chất, rõ ràng không chỉ nằm ở những suy nghĩ, ý muốn mà còn ở những hành động, khả năng.

Khi mà hệ thống Tòa án được tổ chức và hoạt động trên tinh thần và cơ sở tuân thủ nguyên tắc Thẩm phán độc lập xét xử, mặc nhiên Thẩm phán khi đặt vào hệ thống đó sẽ có nhiều khả năng thực hiện công tác xét xử khách quan và nghiêm minh. Qua đó, pháp luật được thực thi, tôn trọng triệt để và công lý luôn được duy trì trong xã hội.

Dẫu có nhiều ưu thế như vậy nhưng nếu mà nguyên tắc được thực thi ở mức độ cực đoan, quá khuôn mẫu thì sẽ lộ ra nhiều điểm yếu, cũng có thể là một trong những yếu tố dẫn đến sự sụp đổ của chế độ. Giả sử nếu mà Thẩm phán được hưởng tất cả những biện pháp và những điều kiện tốt nhất cho sự độc lập thì làm sao có thể ràng buộc được một con người nếu lỡ tiếp tay cho cái xấu, cái ác. Chúng ta một điều là ra kết luận bản án một cách khách quan, trung thực, nhân danh được hai từ “công lý” còn quan trọng hơn việc nêu cao sự độc lập của Thẩm phán.

Về mặt lý luận, tính độc lập càng cao chưa chắc đã mang đến sự khách quan được bảo đảm. Do đó, tính độc lập vẫn phải đặt cạnh tính khách quan và trách nhiệm của Thẩm phán, từ đó có thể nói tính khách quan là tôn chỉ, tính độc lập và trách nhiệm là công cụ đi kèm.

Để làm được những điều đó thì cần phải có một chế độ thực sự trách nhiệm, đối với Thẩm phán bao gồm những yếu tố: Có các phiên xử được tiến hành công khai và minh bạch, bản án có lưu lại cách hiểu và nhận định của Thẩm phán về các điều khoản pháp luật có liên quan và là cơ sở để áp dụng vào thực tiễn vụ việc, cơ chế giám đốc thẩm phải được quy định chặt chẽ, hiệu quả và hợp lý, ngoài ra phải có cơ chế kỷ luật, quy chế về đạo đức, lối sống với nghề Thẩm phán.

Hiến pháp năm 2013 đã nêu lên tinh thần tiếp tục duy trì cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp đặc thù thông qua hoạt động kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân. Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*”. Mô hình Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động tư pháp có thể được xem là một trong những hình thức đặc thù để kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp nhằm góp phần bảo đảm sự đúng đắn trong hoạt động xét xử của Tòa án, hạn chế sự thiếu khách quan, thiếu công minh của quan tòa. Có thể xem đây là hình thức kiểm soát chức năng đối với hoạt động tư pháp.

Độc lập với yếu tố chủ quan (độc lập giữa các thành viên Hội đồng xét xử):

Trong việc xét xử của Tòa án nhân dân thì Hội thẩm được đánh giá là ngang quyền với Thẩm phán. Ở giai đoạn đánh giá chứng cứ, kết luận được thực hiện độc lập, Thẩm phán không có quyền chỉ đạo Hội thẩm thực hiện định tội danh, quyết định cho hình phạt. Hội thẩm phải thực sự chủ động, tích cực, không ỷ lại vào Thẩm phán và có trách nhiệm trong việc chứng minh tội phạm. Trong phiên tòa xét xử, Thẩm phán chủ tọa, điều khiển phiên tòa trong giai đoạn xét hỏi, tranh luận, nghị án để bảo đảm cho hoạt động xét xử đi đúng hướng, trọng tâm, xác định được việc cần làm để chứng minh tội phạm, ngoài ra không được hạn chế việc xét hỏi của Hội thẩm nếu câu hỏi chính đáng, giúp cho làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án.

Để chắc chắn đảm bảo cho Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, căn cứ vào Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “*Chỉ Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số từng vấn đề, thẩm phán biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án*”. Rõ ràng những quyết định đó đã loại trừ việc Thẩm phán lạm dụng quyền lực, tác động tiêu cực đến hoạt động của Hội đồng xét xử.

Thẩm phán và Hội thẩm được lựa chọn theo tiêu chuẩn riêng và chắc chắn phải theo quy định của pháp luật, nhưng không phải vì thế mà năng lực cũng như chuyên môn là ngang bằng. Khả năng nghiệp vụ của Thẩm phán và Hội thẩm có sự chênh lệch nhau về khả năng chuyên môn do đặc thù vị trí, nội dung công việc, do đó vấn đề Hội thẩm ý lại cho Thẩm phán cũng như ngược lại làm biến đổi về chất và lượng của công tác xét xử, nhưng với cơ chế độc lập giữa các thành viên thì điều này sẽ bị hạn chế và khó xảy ra hơn. Để đưa ra một phán quyết bắt buộc Thẩm phán và Hội thẩm phải thực sự làm việc nghiêm túc và độc lập; chủ động tìm ra các phương án, biện pháp trong quá trình nghiên cứu và nâng cao trách nhiệm bản thân, cải thiện kinh nghiệm thông qua quá trình xét xử thực tiễn, giảm tải đáng kể áp lực do không bị phụ thuộc, gò ép và tập trung vào bất cứ người nào. Có thể xem đây là bước đệm để một vụ án được nhìn theo nhiều góc cạnh, từ đó bóc tách được phương diện đa chiều và giúp hạn chế đi những sai lầm không đáng có cũng như là sự bổ sung hợp lý cho nhau khi đưa ra một phán quyết nào đó.

Độc lập với các yếu tố khách quan: Mối quan hệ giữa Hội thẩm, Thẩm phán, nội bộ của ngành Tòa án được biểu hiện tại mối quan hệ giữa Chánh án, Thẩm phán, các đồng sự trong cơ quan, giữa Tòa án cấp trên đối với Thẩm phán, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Thẩm phán, Hội thẩm với Chánh án nơi tham gia xét xử. Từ những gì đã nêu có thể nhận định đây là sự giao nhau giữa

các mối quan hệ tổ tụng và quan hệ hành chính, không tường minh và tách bạch. Chánh án có tác động ít nhiều đến hoạt động của Thẩm phán cũng như Hội thẩm.

Do đó, khi trong quá trình xét xử, để đưa ra được một phán quyết một cách khách quan, chính xác thì bắt buộc cần có sự độc lập ý kiến của riêng bản thân trong việc xem xét và giải quyết vụ án, tuy vậy cần phải tiếp thu những ý kiến để áp dụng thực sự chính xác và hạn chế được một hay nhiều sai sót có thể xảy ra. Với tính chất công việc đặc thù này thì sẽ tạo ra tính dân chủ, khách quan cho quá trình xét xử của Hội thẩm và Thẩm phán, từ đó đảm bảo rằng họ nhất định không phụ thuộc bởi các chủ thể khác. Trên lập trường riêng cũng như điều kiện phải chí công vô tư, tuân thủ pháp luật đã góp phần giảm tải các hiện tượng tiêu cực trong quá trình xét xử, góp phần đẩy lùi nạn tham nhũng, lạm quyền hành, từ đó có thể thấy tầm quan trọng và vị thế của những người cầm cân nảy mực hết sức quan trọng, không hề hữu danh vô thực; từ đó vai trò cũng như là trách nhiệm của họ rất cần được biểu dương.

Độc lập với những tài liệu hồ sơ có trong vụ án: Vấn đề độc lập với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ của vụ án có tác dụng quan trọng để Thẩm phán và Hội thẩm có thể đánh giá tính chính xác của các thông tin, kiểm tra lại tính xác thực, đúng đắn của quyết định truy tố, cũng từ đó mà có thể đưa ra các quan điểm chứng minh tội phạm trong Hội đồng xét xử, các tình tiết và thông tin thu thập được phải phù hợp với thực tế khách quan; do đó các tài liệu, chứng cứ kèm theo chỉ để thực hiện mục đích là cơ sở để cho Hội đồng xét xử triển khai việc xét xử thông qua công việc kiểm tra, đánh giá lại chứng cứ, tính xác thực của thông tin trong hồ sơ, các tài liệu đó có mối liên hệ với nhau như thế nào, đã thực sự mô tả lại hành vi trong thực tế đúng hay chưa, từ đó cũng được xem là đã tận dụng tối đa kết quả điều tra của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tổng hợp được và ra kết luận.

Với cơ chế này, nó hướng tới hai mục đích chính:

Một là không được ra quyết định vội vàng khi chỉ mới thu nhận được điều kiện cần (thông tin trong hồ sơ vụ án), nếu muốn ra quyết định thì phải gồm cả điều kiện đủ (quá trình làm việc, điều tra, xác thực...). Rõ ràng việc xem xét hồ sơ vụ án chỉ là một khâu nhỏ trong một quá trình lớn, hồ sơ vụ án không bao giờ là tiêu chí để Hội đồng xét xử dùng làm lí do chính để đưa ra phán quyết, từ đó sẽ tránh cách nhìn phiến diện, không khách quan mà lại mang nhiều thiếu sót, làm mất tính xác thực của vụ án.

Hai là từ cơ chế độc lập với những tài liệu, hồ sơ có trong vụ án có thể tạo tiền đề quan trọng để có thể đưa ra được những giả định, từ đó chứng minh xem giả định nào là chính xác nhất; một khi ta đã có thật nhiều giả định trong tay thì rõ ràng vấn đề được nghiên cứu sẽ tỏ tường hơn, góp sức vào quá trình nghiên cứu được toàn diện hơn cũng như các phán quyết được đưa ra chính xác hơn bao giờ hết.

Độc lập với yêu cầu của những người tham gia tố tụng, với dư luận và báo chí: Một điều không thể nào tránh khỏi chính là phán quyết mà Tòa án đưa ra vô tình làm xuất hiện những người hay nhóm người có sự xung đột về lợi ích, đó là giữa bị cáo và bị hại, giữa nguyên đơn dân sự và bị đơn dân sự,... Hội thẩm, Thẩm phán chỉ dựa trên những chứng cứ, các quy định của pháp luật, không bị phụ thuộc vào yêu cầu của bất kì cá nhân, tổ chức nào (bị hại, bị cáo, dư luận xã hội, dư luận báo chí,...); cũng từ đó các phán quyết của Tòa án không bị phụ thuộc vào áp lực từ nguyện vọng, dư luận, lợi ích của các bên; lại một lần nữa tính khách quan, công bình, đúng đắn được bộc lộ, các phán quyết từ đó được xem là nơi chứa đựng ý chí cao nhất của Hội đồng xét xử khi mà không hề bị sự chi phối nào tác động vào. Chắc chắn thực tế chỉ làm hạn chế, giảm tải áp lực cũng như bị chi phối và áp lực trong việc đưa ra phán quyết của phía Tòa án. Sự cân nhắc ở phía Tòa án thể hiện nghệ thuật dung hòa lợi ích giữa Nhà nước với nhân dân rồi để đưa ra

phán quyết linh hoạt, hợp lý nhưng vẫn thể hiện được lý trí, tinh thần thượng tôn pháp luật trong từng phán quyết.

Độc lập với sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng: Dưới sự lãnh đạo của một Đảng duy nhất có tất cả các cơ quan Nhà nước, do đó Tòa án nói chung, Thẩm phán và Hội thẩm nói riêng cũng là hoạt động của nhà nước; luôn theo tinh thần, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Khi nhắc đến các vụ án có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, tình hình an ninh chính trị xã hội ở địa phương thì Đảng sẽ đề ra đường lối xét xử kịp thời, nghiêm minh và có quyền đề nghị Tòa án xét xử lưu động nhằm mục đích giáo dục chung cho nhân dân. Tòa án chỉ tuân theo pháp luật và xét xử độc lập vụ án nhưng bắt buộc không thoát li khỏi sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nhưng không được làm thay hay bao biện cũng như lợi dụng quyền lực để can thiệp vào vụ việc nào đó của Hội đồng xét xử, qua đó có thể thấy đó là sự đảm bảo cho việc hiện thực hóa các quy định, đường lối chính sách của Đảng được vận dụng, thi hành đúng đắn trên thực tiễn cuộc sống, là biểu mẫu sinh động cho công tác xét xử chiếu theo.

1.4.3. Mối quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm

Rõ ràng rằng là độc lập là biểu hiện của sự tuân thủ pháp luật qua hoạt động Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập là một phần nội dung của nguyên tắc: “*Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với nhau và cũng độc lập với các yếu tố khác. Độc lập trong quá trình xét xử không chỉ là quy định trong nguyên tắc của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được ghi nhận tại Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, văn bản có giá trị cao nhất nước ta hiện nay chính là Hiến pháp năm 2013 mà ngoài ra còn thể hiện ở những điều luật của luật tố tụng hình sự, điều luật về nghị án, Giám đốc thẩm và giới hạn xét xử. Nếu mà Hội thẩm và Thẩm phán xét xử độc lập thì không

chịu bất kì sự tác động nào, từ đó mà phán quyết của Hội đồng xét xử mới có tính khách quan, vô tư, quyết định đưa ra mới đảm bảo đúng pháp luật. Từ những gì chiêm nghiệm ra thì rõ ràng độc lập là điều kiện rất cần thiết để Thẩm phán, Hội thẩm thực hiện quan điểm sống và làm việc theo pháp luật. Giá trị của tính độc lập từ khi mới chỉ là khái niệm, để có thể tự mình đưa ra các phán quyết thì Thẩm phán, Hội thẩm phải có kiến thức pháp luật và khả năng chấp hành các quy định của pháp luật; kiến thức pháp luật chắc chắn là kiến thức về khoa học luật hình sự và các kiến thức về luật chuyên ngành; chấp hành các quy định pháp luật bao hàm cả pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự cũng như các luật chuyên ngành. Khi mà Thẩm phán, Hội thẩm đã có khả năng nắm chắc kiến thức pháp luật thì đủ điều kiện để thể hiện, bộc lộ ra khả năng độc lập trong phán quyết của mình trong quá trình xét xử. Độc lập nhưng không có nghĩa là thoát ra ngoài khuôn khổ những quy định của pháp luật và sự tuân theo pháp luật; nhưng nghĩ đi phải nghĩ lại, khi không có sự độc lập thì chỉ là sự tuân theo một cách phiến phiến, không có hiệu quả cao được.

Tất cả mọi kết luận của vụ án, quyết định của Hội đồng xét xử bắt buộc đều phải phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Bản án phải xác định được đúng tội cho đúng người, đúng thiệt hại mà tội phạm đã gây ra cho nạn nhân và xã hội. Mỗi nhận định có nêu trong bản án đều phải dựa từ chứng cứ, tình tiết xác thực đã được thẩm tra tại phiên tòa; mỗi thành viên trong hội đồng xét xử bắt buộc phải đảm bảo rằng: Không kết luận dựa trên cảm tính cá nhân, ý chí chủ quan, không kết luận vội vàng, phải dựa vào chứng cứ khách quan, tình tiết xác thực đã được thẩm tra tại phiên tòa có lập luận chặt chẽ. Hai yếu tố độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một thể thống nhất, không thể tách rời nhau; từ đó có thể đưa ra nhận xét độc lập mà không theo pháp luật thì độc lập trong xét xử mất hoàn toàn ý nghĩa thuần túy do vấn đề nằm ở việc xét xử tùy tiện, độc đoán, mang tính chủ quan, cảm tính sẽ là mớ chôn của công lý.

** Mọi quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm có thể xem là một mối quan hệ biện chứng.*

Khi nghiên cứu sâu về mặt kiến thức, vấn đề độc lập và chỉ tuân theo pháp luật rõ ràng là hai mặt thống nhất của duy nhất một nguyên tắc trong tố tụng. Độc lập ở đây thể hiện sự tuân theo pháp luật, nếu chỉ tuân theo pháp luật mà không hẳn có sự độc lập thì rõ ràng chỉ là sự tuân theo mang tính hình thức thôi nên sẽ không đạt được hiệu quả tốt. Điều này thể hiện ở các phán quyết trong bản án được đưa ra, quyết định của Hội đồng xét xử phải phù hợp với mọi tình tiết mang tính khách quan của vụ án, xét xử đúng tội cho đúng người, đúng với pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân,...; bắt buộc không được kết luận dựa trên ý chí chủ quan, mang tính cảm xúc, cảm tính của cá nhân mỗi thành viên trong Hội đồng xét xử.

Có thể nói đây là nguyên tắc hiến định bảo đảm, có thể cho quá trình xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật được diễn ra; tiếp tục kế thừa và ghi nhận trong Bộ luật tố tụng hình sự với diện mạo là một trong những nguyên tắc cơ bản nhưng rất quan trọng.

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập. Nội dung này bảo đảm tính khách quan, công bằng của các quyết định do Toà án đưa ra, đề cao trách nhiệm và tính tự chủ của Thẩm phán và Hội thẩm, bảo đảm chất lượng của hoạt động xét xử. Tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm thể hiện trong mối quan hệ của họ và Toà án với các cơ quan, với những người khác, trong quan hệ với các cấp xét xử.

Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử có nghĩa là khi tiến hành xét xử họ không bị lệ thuộc vào những ý kiến của những cơ quan, tổ chức, người có chức vụ quyền hạn hay một người nào đó, không phụ thuộc vào ý kiến của những cơ quan, những người tiến hành và tham gia tố tụng. Không ai, không một cơ quan,

tổ chức nào có quyền can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm; không ai, không một tổ chức nào có thể dùng áp lực và tác động đối với họ trong quá trình giải quyết vụ án.

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với nhau. Điều này thể hiện ở việc: Thẩm phán và Hội thẩm là thành viên của Hội đồng xét xử phải độc lập với nhau trong việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét đánh giá chứng cứ và đưa ra các kết luận về sự việc phạm tội và người thực hiện tội phạm, không lệ thuộc vào quan điểm, chính kiến của thành viên khác trong Hội đồng xét xử. Để bảo đảm sự độc lập của Hội thẩm trong khi xét xử, Bộ luật tố tụng hình sự quy định Thẩm phán phải là người biểu quyết sau cùng để không ảnh hưởng đến tính độc lập của Hội thẩm. Các vấn đề của vụ án đều phải được giải quyết bằng cách biểu quyết và quyết định theo đa số. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử được bảo đảm bằng một loạt các yếu tố, trong đó có các chế độ bổ nhiệm Thẩm phán và chế độ bầu Hội thẩm; tính tự chủ của họ.

Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử còn được thể hiện trong quan hệ giữa các cấp xét xử. Tòa án cấp trên không được quyết định hoặc gợi ý cho Tòa án cấp dưới trước khi xét xử một vụ án cụ thể. Đồng thời, khi xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, Thẩm phán cũng không bị lệ thuộc bởi các nhận định, những phán quyết của Tòa án cấp dưới.

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật. Điều này có nghĩa rằng khi xét xử, ngoài việc độc lập, Thẩm phán và Hội thẩm phải tuân thủ, phải dựa vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, chứ không được tùy tiện, chủ quan trong việc áp dụng pháp luật. Khi thực hiện hoạt động xét xử – hoạt động gắn liền với việc củng cố pháp chế và trật tự pháp luật, Thẩm phán và Hội thẩm càng phải nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật.

Pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự là những chuẩn mực, căn cứ để Thẩm phán và Hội thẩm xem xét, đối chiếu với sự việc đã xảy ra, với hành vi được đưa ra xét xử. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ đưa ra các phán quyết của mình về việc phạm tội và hành vi phạm tội của bị cáo một cách chính xác, phù hợp với diễn biến thực tế của vụ án đã xảy ra. Ngoài việc tuân theo pháp luật khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm không bị phụ thuộc bởi bất kỳ điều kiện nào.

Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử, nhưng độc lập trong khuôn khổ tuân theo pháp luật; nội dung độc lập khi xét xử và nội dung chỉ tuân theo pháp luật có mối liên hệ rất chặt chẽ và bổ sung cho nhau.

Trong một văn bản hiện hành là: Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán số 87/QĐ-HĐTC ngày 04/7/2018 có quy định tính độc lập tại Điều 3, cụ thể:

“Điều 3. Tính độc lập

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết vụ việc, chứng cứ và chỉ tuân theo pháp luật; giữ gìn bản lĩnh nghề nghiệp để không bị tác động từ bất kỳ sự can thiệp nào.

2. Thẩm phán phải độc lập với các thành viên của Hội đồng xét xử; độc lập với những người tiến hành tố tụng khác; độc lập với các yếu tố tác động từ trong nội bộ và bên ngoài Tòa án.

3. Thẩm phán không được can thiệp vào hoạt động tố tụng của các thành viên Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác”.

Điều 103 Hiến pháp quy định:

1. Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.

2. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

3. Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín.

Cụ thể hóa Hiến pháp 2013, Điều 6 Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014 cũng quy định:

Điều 9. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

1. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Cá nhân, cơ quan tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định:

Điều 23. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

Rõ ràng Thẩm phán là người tiến hành tố tụng, là người thực hiện hoạt động xét xử của Tòa án. Được bổ nhiệm và giao nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật.

- Khi được phân công giải quyết, xét xử vụ án hình sự, Thẩm phán có những nhiệm vụ và quyền hạn sau: Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa; Tiến hành xét xử vụ án; Tiến hành hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; Tiến hành hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án. Điều luật này quy định “tiến hành xét xử” thay cho “tham gia xét xử” khẳng định vai trò tích cực, chủ động hơn của Thẩm phán và đúng với logic thẩm quyền của người tiến hành tố tụng với hoạt động xét xử là hoạt động tố tụng do Thẩm phán tiến hành.

- Khi được phân công là chủ tọa phiên tòa, ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn như: đối với các Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử vụ án hình sự trên, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa còn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp, biện pháp cưỡng chế, trừ biện pháp tạm giam; Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; Điều hành việc xét xử vụ án, tranh tụng tại phiên tòa; Quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, thực nghiệm điều tra; thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định; yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản; Yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội; yêu cầu cử, thay đổi người phiên dịch,

người dịch thuật; Quyết định triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Pháp luật quy định Hội thẩm phải có trong các phiên xét xử sơ thẩm hình sự, dân sự, hành chính. Việc Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm nhằm xét xử vụ án được công bằng, đúng người, đúng tội, nhân dân được thể hiện ý kiến của mình trong quá trình xét xử. Bên cạnh đó, Hội thẩm còn được giao quyền ngang với thẩm phán trong việc biểu quyết để ra một bản án theo hình thức đa số. Như vậy, việc có hội thẩm khi xét xử sơ thẩm hình sự, dân sự, hành chính là một chủ trương đúng đắn của đảng ta trong việc nâng cao nền tư pháp nước ta. Đảng ta đã sớm quan tâm đến việc này kể từ khi luật tổ chức tòa án lần đầu tiên ra đời vào năm 1960.

Điều kiện để trở thành Hội thẩm theo quy định tại Điều 85 Luật tổ chức tòa án nhân dân 2014 như sau:

- Là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực.

- Có kiến thức pháp luật.

- Có hiểu biết xã hội.

- Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của Hội thẩm:

- Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo phân công của Chánh án Tòa án nơi được bầu làm Hội thẩm.

- Hội thẩm có nghĩa vụ thực hiện sự phân công của Chánh án Tòa án, trường hợp không thực hiện được thì phải nêu rõ lý do.

- Trong 01 năm công tác mà Hội thẩm không được Chánh án Tòa án phân công làm nhiệm vụ xét xử thì có quyền yêu cầu Chánh án Tòa án cho biết lý do.

1.4.4. Các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

a/ Các yếu tố ảnh hưởng

Trong hoạt động Tư pháp nói chung, hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nói riêng thì có 3 thứ quan trọng ảnh hưởng đến việc ra quyết định: Nguồn lực nội tại bản thân, cảm xúc bản thân, kỳ vọng (chấp trước).

L.V.Petrencô đã viết: “*Tác động tâm lý trước hết là một quá trình, một hoạt động, chứ không đơn thuần chỉ là một vài cử chỉ, tác động đơn điệu. Hoạt động ấy thể hiện bằng các hành động và cách thức tác động với mục đích cụ thể khác nhau...*” (Giáo trình tâm lý học đại cương - PGS.TS. Đặng Thanh Nga). Rõ ràng rằng vấn đề Thẩm phán, Hội thẩm bị tác động tâm lý thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xét xử.

Mặc dù là đã được công nhận và quy định cụ thể ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, nhưng rõ ràng rằng nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật còn nhiều mặt hạn chế, bất cập do vấn đề bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan cũng như khách quan, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc thẩm phán độc lập thường được giải thích gồm ba nội dung chính:

(a) Sự độc lập giữa các thành viên hội đồng xét xử, theo đó thẩm phán và hội thẩm phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không bị phụ thuộc vào quan điểm của nhau;

(b) Sự độc lập giữa Tòa án cấp dưới và Tòa án cấp trên, theo đó khi xét xử thẩm phán (và hội thẩm) độc lập, không chịu sự chỉ đạo của Tòa án cấp trên;

(c) Bản thân thẩm phán (và hội thẩm) không lệ thuộc vào ý kiến của cá nhân hay tổ chức nào. Các quan điểm chung thường có xu hướng coi độc lập như một nghĩa vụ của thẩm phán. Khía cạnh “*quyền*” của thẩm phán trong nguyên tắc thẩm phán độc lập cũng đã được đề cập, song còn mờ nhạt so với khía cạnh “*trách nhiệm*” của thẩm phán phải độc lập.

Thứ hai, chế độ công việc của thẩm phán hiện nay chưa được bảo đảm ở mức độ làm cho họ có thể độc lập được. Thẩm phán hiện được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm. Khi nhiệm kỳ kết thúc, thẩm phán cần phải được tái bổ nhiệm mới có thể tiếp tục làm thẩm phán. Việc bổ nhiệm và tái bổ nhiệm thẩm phán thuộc quyền Chủ tịch nước đối với thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương. Quy trình bổ nhiệm thực hiện thông qua hội đồng tuyển chọn thẩm phán ở Trung ương và ở các địa phương cấp tỉnh. Về công việc, các thẩm phán nằm trong mối quan hệ quản lý hành chính khá chặt chẽ với Chánh án Tòa án của mình hoặc của cấp trên trực tiếp. Về nguyên tắc quan hệ quản lý, không dẫn đến quan hệ lãnh đạo trong tổ tụng, tuy nhiên, trên thực tế vẫn cho thấy còn có sự can thiệp vào công việc xét xử của thẩm phán.

Thứ ba, mối quan hệ giữa Tòa án một cấp này với một cấp khác trong hệ thống Tòa án Việt Nam hiện nay thể hiện rõ mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới. Tòa án nhân dân cấp tỉnh quản lý toàn diện về mặt tổ chức và tài chính đối với Tòa án nhân dân cấp huyện trực thuộc. Nếu tính cả thẩm quyền xét xử phúc thẩm thì có thể nói Tòa án nhân dân tỉnh kiểm soát hoàn toàn các Tòa án nhân dân huyện trên địa bàn tỉnh mình. Tương tự, Tòa án nhân dân tối cao cũng nắm quyền chi phối đối với các Tòa án nhân dân tỉnh từ khía cạnh ngân sách hàng năm, cơ sở vật chất và nhân sự. Trong mối quan hệ mang nặng tính hành chính như vậy sự lệ thuộc giữa Tòa án nhân dân cấp dưới và Tòa án nhân dân cấp trên là tất yếu. Sự lệ thuộc này, trong một số trường hợp, rất không tốt cho sự độc lập và khách quan của Tòa án nhân dân cấp dưới nói chung và việc bảo đảm trên thực tế yếu tố độc lập của thẩm phán nói riêng.

Thứ tư, vấn đề an toàn của thẩm phán Việt Nam, tuy không phải là vấn đề lớn, vẫn có một số tồn tại nhất định. Nhìn chung, trong môi trường an ninh ổn định và nghề thẩm phán được xã hội kính trọng, đe dọa đối với an toàn của thẩm phán và gia đình là không phổ biến. Tuy nhiên, tại phiên tòa, do bối cảnh có nhiều tâm trạng bức xúc, nhiều khi đương sự hoặc người liên quan đã có hành vi đe dọa thẩm phán ngay tại phiên tòa. Điều này không những ảnh hưởng tới tính tôn nghiêm của tòa mà còn gây áp lực lên sự độc lập xét xử của thẩm phán.

b/ Biện pháp khắc phục

Để khắc phục được những bất cập liên quan đến việc áp dụng nguyên tắc thẩm phán độc lập trong tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án Việt Nam, có thể tiến hành một số biện pháp chính sau:

Một là, cần phải quán triệt nội dung của nguyên tắc thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Theo đó, “*độc lập*” là “*quyền*” của thẩm phán, từ đó chú trọng tới việc quy định các biện pháp trong luật để bảo đảm đảm bảo cho thẩm phán

được độc lập. Đồng thời không xem xét vấn đề “*độc lập thẩm phán một cách biệt lập*” mà cần phải đặt nó trong mối quan hệ với trách nhiệm phải khách quan của thẩm phán. Bất kỳ biện pháp nào được áp dụng, phải vừa bảo đảm sự độc lập vừa bảo đảm có thể ràng buộc được trách nhiệm của người thẩm phán.

Hai là, cần có quy định hợp lý về nhiệm kỳ của thẩm phán. Đây là vấn đề mấu chốt để bảo đảm cho sự nghiệp của thẩm phán, từ đó bảo đảm được sự độc lập của họ. Về lý tưởng thì nhiệm kỳ suốt đời cho đến tuổi về hưu là sự lựa chọn tốt nhất. Tuy nhiên, đặc thù của nước ta cũng như các nước theo hệ thống pháp luật thành văn là các thẩm phán thường theo một con đường sự nghiệp từ cấp thấp đến cấp cao. Sự thăng tiến trên con đường sự nghiệp cũng chứng tỏ năng phẩm chất và năng lực của họ cũng là một việc rất cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, duy trì nhiệm kỳ đối với thẩm phán vẫn là một biện pháp hợp lý. Nhiệm kỳ của thẩm phán không cần phải dài, chỉ cần từ 4 hoặc 5 năm. Điều quan trọng là cơ chế tái bổ nhiệm cần phải được đổi thành cơ chế đương nhiên được tái bổ nhiệm trừ trường hợp có những sai phạm rõ ràng về mặt đạo đức hay sai phạm một cách có hệ thống về chuyên môn. Cơ chế xem xét phải khách quan; thủ tục minh bạch và đương sự phải có quyền khiếu nại.

Ba là, cơ chế kỷ luật đối với thẩm phán cần được hoàn thiện hơn theo hướng rõ ràng, khách quan. Trước tiên cần có một bộ quy tắc đạo đức đối với nghề thẩm phán. Bộ quy tắc này sẽ quy định cụ thể và chi tiết các chuẩn mực đạo đức, tất cả những hành vi thẩm phán không được làm hoặc phải tránh. Bộ quy tắc này sẽ là cơ sở duy nhất để xử lý kỷ luật thẩm phán. Đương sự phải có quyền trình bày ý kiến trước hội đồng kỷ luật và có quyền khởi kiện theo thủ tục phúc thẩm lên một tòa án chuyên trách đặt tại Tòa án nhân dân tối cao nếu không đồng ý với quyết định kỷ luật.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực Nhà nước là tổng thể các quy định của Hiến pháp và pháp luật về phương thức vận hành của các chủ thể trong việc thực hiện các quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Trong cơ chế đó, kiểm soát quyền lực nhà nước là yếu tố quan trọng nhằm bảo đảm tính thống nhất, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Chương 1 tác giả chủ yếu tập trung vào nghiên cứu Tòa án nhân dân các cấp trong việc thực hiện quyền tư pháp, bao gồm:

- (1) Vị trí, chức năng của tòa án trong Bộ máy nhà nước.
- (2) Quá trình hình thành quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND;
- (3) Ý nghĩa của nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND;
- (4) Nội dung pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của TAND;

Từ đó đánh giá đúng giá trị thật của chức danh Thẩm phán, Hội thẩm trong hệ thống tư pháp nói chung, TAND nói riêng. Mang lại giá trị khách quan trong quá trình phân tích, đối chiếu với các văn bản pháp luật hiện hành đồng thời đưa ra được biện pháp khắc phục các yếu tố ảnh hưởng việc thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Rõ ràng đây là nguyên tắc hiến định bảo đảm, có thể cho quá trình xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật được diễn ra; tiếp tục kế thừa và ghi nhận trong Bộ luật tố tụng hình sự với hiện mao là một trong những nguyên tắc cơ bản nhưng rất quan trọng. Khi dựa vào tầng sâu của kiến thức, có thể khẳng định luôn vấn đề độc lập và chỉ tuân

theo pháp luật rõ ràng là hai mặt thống nhất, nhưng phải thể hiện hiệu quả trong việc đưa ra biểu tượng công lý, là nơi công dân gửi gắm niềm tin rằng bất kỳ vi phạm pháp luật nào cũng bị xử lý nghiêm minh, bất kỳ quyền hoặc lợi ích hợp pháp nào của con người đều được bảo vệ theo đúng pháp luật.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

Vào ngày 25-3-2021, vấn đề về công tác ngành tòa án chúng ta cần phải suy ngẫm thật kỹ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Nguyễn Hòa Bình cho biết nhiệm kỳ qua, các tòa án đã đưa ra xét xử nghiêm 7.463 vụ án tham nhũng, chức vụ, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp với 14.540 bị cáo; và tất nhiên để làm được điều đó nhất mực cần phải áp dụng thuần thực pháp luật cũng như bảo vệ được nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án, nhưng chắc chắn không phải số lượng nào cũng đi kèm với chất lượng.

Theo thống kê mới nhất vào ngày 26/9/2019, ngoài Hiến pháp 2013 thì có tổng cộng 228 Luật, Bộ luật của Việt Nam đang có hiệu lực thi hành. Nhưng rõ ràng chúng ta trên góc độ nghiên cứu về nguyên tắc độc lập xét xử thì chỉ quan tâm đến Điều, khoản trong các văn bản pháp luật sau:

Thứ nhất, Theo khoản 2 Điều 103 Hiến pháp 2013, "Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm".

Thứ hai, Điều 23 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có quy định như sau:

“Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.”

Cũng tại khoản 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định “khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa”.

Thứ ba, Điều 12 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định:

“1. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự, Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

2. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, việc giải quyết việc dân sự của Thẩm phán dưới bất kỳ hình thức nào.”

Thứ tư, Căn cứ vào Điều 5, Điều 9 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014:

“Các Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử”;

“1. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Cá nhân, cơ quan tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.”

Thứ năm, Căn cứ Điều 13 Luật tổ tụng hành chính năm 2015: “1. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

2. *Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân dưới bất kỳ hình thức nào.*”

Ngoài ra, Căn cứ vào Điều 14 Công ước quốc về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR): *“Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai do một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, công bằng, minh bạch được thiết lập theo pháp luật.”*

* Như vậy, các diễn đạt về nguyên tắc này được quy định trong bản Hiến pháp hiện hành năm 2013, Luật Tổ chức Tòa án 2014, BLTTHS 2015, BLTTDS 2015, Luật tổ tụng hành chính và các văn bản pháp luật khác nhau. Vai trò của các văn bản pháp luật là kim chỉ nam quan trọng cho quá trình xét xử thực tế tại Tòa án, thể hiện thông qua việc kiểm soát quyền lực Nhà nước, thông qua hoạt động xét xử trong các lĩnh vực: Hình sự, dân sự, hành chính; cũng một phần quan trọng hơn hết do việc giáo dục ý thức tôn trọng và bảo vệ luật pháp thông qua hoạt động xét xử, vì đây là hoạt động chính và quan trọng nhất, nó bao trùm lên hầu hết các hoạt động khác của Tòa án.

Khi ta nhìn và đánh giá Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, thì điểm đầu tiên cần lưu ý là có những quy định tiến bộ, bắt kịp thời đại, phù hợp với nguyên tắc pháp quyền và xu hướng phát triển bắt kịp sự phát triển của một nền tư pháp hiện đại.

Thực tế vừa qua Đại biểu Quốc hội Lưu Bình Nhưỡng chia sẻ khó khăn, áp lực của cơ quan tư pháp: "Hàng triệu vụ án trong giai đoạn vừa qua là nỗi gian truân, đặc biệt đứng trước ranh giới công lý, công bằng và những vấn đề tiêu cực".

Rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề độc lập tư pháp đã được ghi nhận tại Điều 10 Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948 (UDHR) là không thể phủ

nhận, mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một Tòa án độc lập, khách quan.

Tóm lại, từ dữ liệu thực tế có thể đánh giá được trên nhiều góc độ, nhưng riêng về vấn đề “*độc lập xét xử của Tòa án*” thì ta có thể thấy rõ trong tổng kết số lượng vụ án đã giải quyết, và chắc chắn đây là sự thể hiện rõ ràng về các quy định của pháp luật về nguyên tắc độc lập xét xử của TAND. Ngoài ra còn là sự vận dụng chuẩn chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và dưới sự hướng dẫn của Tòa án tối cao đã thể hiện sự hiệu quả trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc.

2.2. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân

2.2.1. Những kết quả đạt được

Sau hơn 75 năm xây dựng và phát triển hệ thống TAND đã duy trì sự đổi mới cả về tổ chức và hoạt động để có thể áp dụng sát với thực tiễn hoạt động công tác, tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ ngày càng cao; rõ ràng từ những nguyên tắc cơ bản TAND đã không ngừng đổi mới về chất và lượng, nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật là một trong số đó. Vị thế của TAND vẫn được xem là trung tâm của hoạt động tư pháp; tổ chức bộ máy dần được hoàn thiện và chức năng nhiệm vụ được tăng cường, từ đó chất lượng và hiệu quả công việc được nâng cao rõ rệt, các chỉ tiêu được hoàn thành tốt. Đội ngũ cán bộ được nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm có bước cải thiện rất đáng lưu tâm. Vấn đề tích cực xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi liền với xây dựng TAND trong sạch, vững mạnh. Gần đây theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI và XII) đã góp phần nâng cao vị thế, uy tín của TA và giúp cho việc xây dựng và phát triển đất nước có được thành tựu, tiềm lực, khả năng, vị thế, cũng như uy tín với bạn bè năm quốc tế, bên cạnh

những thành tựu đó thì TAND các cấp đã và đang bộc lộ ra những bất cập, hạn chế; tổ chức bộ máy TAND có những điểm chưa tốt như tính đồng bộ chưa cao, chưa đi hẳn vào thực tiễn, thiếu biên chế so với yêu cầu đặt ra, chức danh tư pháp thiếu nhiều, cơ cấu chưa thực sự hợp lý, chuyên gia còn rất ít, mặc dù là thiếu số nhưng vẫn có các cán bộ bị hạn chế về trình độ, năng lực chuyên môn, công tác hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin; ngoài ra thì chính sách tiền lương còn chưa hợp lý, cơ sở vật chất nói chung còn chưa đủ điều kiện để có thể đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Ngoài ra, tình hình hiện tại cả trong và ngoài nước có nhiều diễn biến mới, phức tạp, rất khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ, nhưng cũng phải đối diện với những khó khăn, thách thức mới, một phần bối cảnh sống chung với đại dịch đã đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với hệ thống TAND như hiện tại.

Đầu tiên, trong 10 năm qua đã có quá nhiều thay đổi, vấn đề quy mô dân số và quy mô nền kinh tế tăng nhanh, cụ thể là tăng thêm gần 11 triệu người và GDP tăng gấp 2,4 lần; đất nước ta cũng đã hoàn thành nhiệm vụ hội nhập quốc tế kéo theo đó là sự tăng trưởng của các loại tội phạm ngày càng tinh vi và nguy hiểm, nhất là các tội phạm truyền thông và phi truyền thông, tội phạm xuyên quốc gia các loại tranh chấp, khiếu kiện. Rõ ràng sự ra đời và phát triển của kinh tế số, kinh tế chia sẻ đã làm phát sinh ra nhiều loại tranh chấp khác (đã có tiền lệ và chưa có tiền lệ), đặt ra một yêu cầu cấp thiết cho Tòa án nhanh chóng bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ để bắt kịp xu thế hiện hành, nhanh chóng giải quyết kịp thời nhưc nhói trong lòng dân chúng.

Thứ hai là quá trình để hoàn thiện hệ thống pháp luật trong khoảng thời gian trước đã đặt ra nhiều thách thức cho Tòa án, trong đó có nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền khác để có thể phù hợp với vị trí, vai trò của mình. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 có quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 4: “Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng”. Hiện tại thì xu

thể chung là mở rộng thẩm quyền, nhiệm vụ cho Tòa án, từ đó số lượng vụ việc của Tòa án phải giải quyết hằng năm tăng trung bình 8%. Thực tế thì số lượng vụ việc Tòa án giải quyết năm 2020 cao gấp 3 lần so với năm 2005 và cao gấp 2 lần so với năm 2012.

Thứ ba là vấn đề mâu thuẫn đã và đang tồn tại, có xu hướng gia tăng trong vấn đề tổ chức và hoạt động của TAND; cụ thể là sự gia tăng chóng mặt của số lượng công việc nhưng đồng thời phải hoàn thành mục tiêu ngắn hạn là tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã gây ra nhiều khó khăn, bất cập, quy định cụ thể tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17-4-2015, của Bộ Chính trị. Có thể thấy giữa việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành với việc bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ công chức, sự gia tăng về khối lượng và yêu cầu chất lượng phải đạt hiệu quả, cũng như theo xu hướng, yêu cầu phải cải cách tư pháp đề ra thì đây là một mớ bòng bong chưa có cách giải quyết nào nào triệt để.

Thứ tư là Tòa án nhân dân chịu tác động bởi kì vọng của nhân dân và quy định của Hiến pháp 2013; với tinh thần đó đòi hỏi TAND phải bảo đảm, bảo vệ quyền công dân, quyền con người, đặt ra cho hệ thống TAND trọng trách lớn, phải không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ, nỗ lực phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư; từ đó nâng cao uy tín trong lòng nhân dân và là chỗ dựa vững chãi cho người dân trong việc xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chinh phục công lý.

Thứ năm là mục tiêu hội nhập quốc tế toàn diện đã mang đến yêu cầu phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết quốc tế, vì vậy Tòa án phải rà soát, đề xuất cải cách thể chế cũng như pháp luật cho phù hợp, có khả năng bắt kịp với yêu cầu thời đại mới, khẩn cấp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ đầy trình độ

giải quyết các tranh chấp quốc tế, các vụ việc có yếu tố nước ngoài, vụ việc mới phát sinh có thẩm quyền giải quyết.

Thứ sáu là hiện hữu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với Tòa án trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để đổi mới tổ chức bộ máy; chúng ta có thể nhận thấy sự hiệu quả và bất cập khi nhìn lại kết quả phiên xét xử trực tuyến cụ thể vào ngày 18/3/2022 tại Bình Dương. Từ đó góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường công khai, minh bạch, tạo các điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận công lý, tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của Tòa án theo thời gian thực; cũng là một giải pháp hữu hiệu khi ta đề cập đến vấn đề tinh giản biên chế, đẩy nhanh tốc độ xử lý các vụ án thông qua áp dụng trí tuệ nhân tạo, cho AI làm việc thay một hoặc toàn bộ công việc của Thư ký Tòa án,...

Thứ bảy là vấn đề cải cách tư pháp, thì đổi mới tổ chức cũng như hoạt động của Tòa án cũng là một phần rất quan trọng, một phần do đây là xu thế toàn cầu, phổ biến không chỉ ở nước ta, mà là diễn ra một cách liên tục ở cả các quốc gia trên thế giới. ở nước ta, thực sự vấn đề này phải được chú trọng hơn nữa trong bối cảnh nền tư pháp còn nhiều yếu kém, chưa hoàn thiện trên nhiều phương diện khác nhau như:

- + Tổ chức bộ máy
- + Thể chế pháp lý
- + Năng lực trình độ
- + Điều kiện bảo đảm

Ngoài ra thì thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và một số đạo luật về tố tụng tư pháp đã bộc lộ nhiều bất cập chưa có cách giải quyết

trong tổ chức và hoạt động, cấp thiết cần phải sớm sửa đổi để đáp ứng với mục tiêu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

Thứ tám là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định “*Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*” là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 20/7/2021 của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*”, Ban cán sự đảng TANDTC xây dựng Đề án “*Cải cách tư pháp tại TAND đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

Tại Hội thảo, các đại biểu tập trung thảo luận vào các định hướng về nhiệm vụ, giải pháp cải cách tư pháp của Tòa án và các vấn đề khác có liên quan. Các đại biểu thống nhất cao với 09 nhiệm vụ, giải pháp cải cách tư pháp tại TAND trong thời gian tới gồm:

(1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan tư pháp và tiến trình cải cách tư pháp

(2) Xây dựng Cơ quan tư pháp (Tòa án) vì nhân dân, phục vụ nhân dân, để nhân dân cảm thụ được công bằng, lẽ phải và tin tưởng tư pháp; tăng cường sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân

(3) Xác định đầy đủ và khoa học về nội hàm quyền tư pháp, đặc trưng cơ bản của quyền tư pháp và chủ thể thực hiện quyền tư pháp

(4) Hoàn thiện về tổ chức của Cơ quan tư pháp (Tòa án)

(5) Đổi mới hoạt động của cơ quan tư pháp

(6) Nâng cao chất lượng cán bộ Tòa án, đặc biệt là chức danh tư pháp, đảm bảo số lượng cần thiết tối thiểu, có cơ cấu các chức danh tư pháp hợp lý, chế độ chính sách của đảng đặc thù

(7) Tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm nguồn lực để xây dựng Tòa án chính quy, hiện đại, hoạt động hiệu quả

(8) Xây dựng Tòa án điện tử tiến tới Tòa án số ở Việt Nam

(9) Tăng cường hợp tác quốc tế.

Thứ chín là vấn đề hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách vẫn tiếp tục được đẩy mạnh hoàn thiện nhưng thực tiễn thi hành thì chưa hiệu quả, bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng đủ cũng như kịp thời đầy đủ yêu cầu của thực tiễn. Có thể nói rằng Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 sau hơn 8 năm hoạt động đã phát sinh ra nhiều vấn đề bất cập cần phải nghiêm túc nhìn nhận, nghiên cứu, sửa đổi cũng như bổ sung để có thể phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của Tòa án và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn đầy biến động này.

Khi ta suy xét một cách chi tiết nguyên tắc đi cùng năm tháng “Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” khi xét xử đã và đang là nguyên tắc quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án các cấp, đây là một trong những nguyên tắc được ghi nhận sớm trong Hiến pháp và pháp luật. Thực tế thì nguyên tắc này đã được thực thi khá hiệu quả, đảm bảo hoạt động xét xử được diễn ra theo đúng kế hoạch và yêu cầu, đúng pháp luật, khách quan, phụng công thủ pháp, chí công vô tư, hạn chế oan sai, án bỏ túi. Ngoài ra thì bên cạnh

nguyên tắc đó thì còn rất nhiều mặt trái của hoạt động xét xử, đây có thể hiểu là những mặt tiêu cực của cả một hệ thống Tư pháp, ảnh hưởng rất xấu đến chất lượng xét xử, xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây dư luận xấu và bất bình trong xã hội, làm xấu đi bộ mặt cơ quan xét xử của Nhà nước ta.

Với công cuộc cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, từ đó tạo dựng một môi trường pháp lý tốt cho Thẩm phán và Hội thẩm thực hiện chức trách của mình, qua các điểm như sau:

Hiến pháp năm 2013 đã xác định được nguyên tắc kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan lập pháp cũng như hành pháp và tư pháp, là cơ sở mấu chốt Hiến định cho mô thức hoạt động, mô hình tổ chức, quản trị tổ chức Tòa án. Từ đó chiếu theo Điều 2, bảo đảm cho Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Căn cứ vào khoản 2, Điều 103 Hiến pháp năm 2013, có thể thấy rằng đây là một nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”. Điều 23, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng đã nhắc lại một lần nữa về nguyên tắc này. Hiến pháp năm 103 cũng quy định “*Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định*”; căn cứ Điều 3 Luật Tổ chức TAND năm 2014, quy định cụ thể tổ chức Tòa án nhân dân gồm:

“1. Tòa án nhân dân tối cao.

2. Tòa án nhân dân cấp cao.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

5. Tòa án quân sự.”

Rõ ràng Hiến pháp năm 2013 đã khơi gợi cho ta phải căn cứ vào Luật Tổ chức TAND năm 2014 để có thể hiểu hơn về cơ cấu tổ chức TAND, và cũng là để tạo cơ sở, tiền đề pháp lý cho việc thành lập các Tòa án theo cấp xét xử.

Nhận xét về Luật Tổ chức TAND năm 2014: là một Luật có những quy định thực sự tiến bộ, phù hợp với nguyên tắc pháp quyền và xu thế Tư pháp hiện đại. Đầu tiên, đã kết hợp tổ chức TA theo các cấp xét xử, ví dụ: TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện,...; tiêu chuẩn Thẩm phán được tiêu chuẩn hóa về cả chuyên môn lẫn nghiệp vụ và kinh nghiệm. Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao sẽ được Quốc hội phê chuẩn, còn Thẩm phán theo từng cấp sẽ được Chủ tịch nước bổ nhiệm, được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ dài hơn là 10 năm; tuy vẫn được giao cho Chánh án TANDTC quản lý các Tòa án, nhưng bên cạnh đó vẫn được kết hợp với Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán Quốc gia; tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ và thi tuyển Thẩm phán các cấp đã được diễn ra, Chánh án TAND ở địa phương sẽ báo cáo công tác, trong Luật không quy định về vấn đề chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân địa phương mà Chánh án công tác. Nói cho cùng thì tất cả những quy định trong Luật Tổ chức TAND 2014 là một khởi đầu cũng như một tiến triển tốt trong tổ chức hệ thống tư pháp, Tòa án là trung tâm, xét xử là trọng tâm như Nghị quyết số 49-NQ/TW.

Triển khai công việc thực hiện theo Hiến pháp, đối chiếu với Luật Tổ chức TAND trên tinh thần cải cách tư pháp nói riêng, Nhà nước ta nói chung; nhìn chung TAND các cấp thực hiện khá tốt các quy định như đã nêu, từ đó TAND cũng có lí do để tiếp tục duy trì và thực hiện hiệu quả quyền tư pháp, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập

Xưa kia cha ông ta đã để lại đời sau rất nhiều câu nói thâm thúy, một trong số đó là “*có thực mới vực được đạo*”, rõ ràng không phải ai cũng hiểu hết được nên ưu tiên sử dụng nghĩa đen và cho rằng là đủ ăn thì mới có sự chú tâm hướng đạo, dẫn đến thiếu mất đi nghĩa bóng của câu tục ngữ này chính là quan tâm những điều căn bản và thiết thực sau đó mới nghĩ được tới bất kì điều gì xa xôi, ngoài tầm với.

Từ đó, đối chiếu vào góc độ thực tiễn thực hiện nguyên tắc của Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, đó là ta có thể đưa ra được những điều cần có sự quan tâm căn bản và thiết thực như sau:

- Về vấn đề tổ chức, Tòa án phân theo cấp xét xử vẫn chưa được thực hiện một cách triệt để công năng, dễ dàng dẫn đến tình trạng địa phương trên thực tiễn phụ thuộc rất nhiều vào các cơ quan, tổ chức lãnh đạo và quản lý ở địa phương. Việc tỷ lệ các vụ án hành chính bị xét xử sai cũng như bị hủy cao hơn nhiều so với các vụ án khác có thể được giải thích qua việc tổ chức Tòa án theo đơn vị hành chính, Chánh án là cấp ủy địa phương, việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm Thẩm phán thông qua thường vụ cấp ủy địa phương.

- Về vấn đề Hiến pháp và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân có quy định tại Điều 42, Điều 47 Luật Tổ chức tòa án nhân dân rằng Chánh án Tòa án nhân dân không phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân địa phương không hề được thực hiện triệt để, việc cơ quan đại diện chính quyền địa phương chất vấn trách nhiệm của Chánh án, chất vấn trách nhiệm của Chánh án, chất vấn về xét xử các vụ án cụ thể vẫn được tiến hành như một lễ thường tình.

- Về vấn đề quản trị Tòa án, vấn đề tư duy của người lãnh đạo còn nhiều bất cập, cụ thể chức trách của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với tư cách vừa là người được giao quản lý các Tòa án nhân dân, cũng vừa là người đứng đầu cơ quan xét xử cao nhất, nhưng mà khi trong quá trình thực hiện lại chưa quản lý các

Tòa án nhân dân một cách rõ ràng, minh bạch; từ đó xảy ra một thực trạng đáng buồn là các quan hệ quản lý cũng từ đó ảnh hưởng đến quan hệ tố tụng và sử dụng quan hệ tố tụng đó cho mục đích tổ chức và quản lý; ngoài ra thì vấn đề độc lập xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm cũng ở trong đó.

- Vai trò của Hội đồng tuyển chọn và giám sát Thẩm phán quốc gia chưa thật rõ ràng, còn nhiều hạn chế so với kỳ vọng; nhất là thành phần Hội đồng và trong việc kỷ luật Thẩm phán. Là Hội đồng giám sát Thẩm phán, theo chúng ta, Hội đồng phải có vai trò quyết định trong xem xét kỷ luật, điều chuyển Thẩm phán để bảo vệ Thẩm phán và vấn đề kỷ luật không trở thành sức ép tâm lý đối với Thẩm phán trong độc lập xét xử;

- Việt Nam chưa có một cơ chế kỷ luật Thẩm phán chặt chẽ, khách quan; cơ chế cấm luân chuyển Thẩm phán khỏi nhiệm vụ xét xử khi không có lý do thật sự chính đáng và theo một thủ tục chặt chẽ, khách quan để không làm ảnh hưởng đến việc độc lập xét xử của Thẩm phán. Theo khảo sát thực tế của chúng ta, thời gian qua một số lượng khá lớn Thẩm phán bị đình chỉ xét xử, không được tái nhiệm, bị chuyển sang làm công việc khác nhưng chưa có cơ sở thuyết phục, chưa thực sự đảm bảo cơ chế minh bạch... đã trở thành sự ám ảnh đối với Thẩm phán trong thực hiện độc lập xét xử luật định; tình trạng Thẩm phán phải báo cáo án với lãnh đạo trước khi xét xử; tranh thủ ý kiến của Tòa án có thẩm quyền phúc thẩm, giám đốc thẩm để tránh nguy cơ án bị huỷ, bị sửa đang tồn tại. Điều này là biểu hiện của sự không độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm trong xét xử;

- Chế độ, chính sách đối với Thẩm phán, Hội thẩm vẫn còn nhiều khuyết điểm:

- + Việc coi Thẩm phán là công chức nhà nước bình thường sẽ dẫn đến họ phải phụ thuộc vào sự lãnh đạo của cấp trên với mối quan hệ mệnh lệnh, phục tùng (đặc trưng trong quan hệ hành chính);

+ Chế độ tiền lương của Thẩm phán, thù lao xét xử của Hội thẩm chưa được đổi mới ảnh hưởng đến tính liêm chính trong đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm, thậm chí dẫn đến tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ này... làm cho Nhân dân nghi ngờ, mất lòng tin vào công lý, tức hệ thống tư pháp nói chung, vào hoạt động xét xử của các Tòa án nói riêng;

+ Ở Việt Nam, Thẩm phán không hề có một quyền miễn trừ nào, nhất là miễn trừ trách nhiệm, vì vậy, Thẩm phán chưa thể "an tâm" để độc lập xét xử...;

- Các cơ chế giám sát hoạt động xét xử của các thiết chế nhà nước cũng như xã hội chưa phù hợp với yếu tố đặc thù của độc lập xét xử là hậu kiểm. Trong xét xử, yếu tố tiền kiểm sẽ tạo nguy cơ lớn sẽ chuyển từ kiểm soát xét xử sang can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm;

- Hiến pháp cũng như pháp luật quy định nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Tuy nhiên, cùng với điều cấm mang tính Hiến định này lại chưa có bất kỳ một chế tài nào đảm bảo cho điều cấm đó được thực thi trên thực tiễn. Có lẽ vì vậy, trong lịch sử tư pháp Việt Nam, chúng ta chưa thấy bất kỳ một cá nhân nào bị xử lý trách nhiệm, dù là nhỏ nhất đối với hành vi can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm...

2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

Hạn chế, vướng mắc trong bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật như sau:

- Một phần do chưa nhận thức đầy đủ về nội dung cũng như vai trò của nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nội dung của nguyên tắc đã cho ta thấy được các đặc thù của quyền tư pháp trong cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước, trong việc bảo vệ công lý.

- Hành chính hóa các khâu quản lý, cũng như trong hoạt động tư pháp; không có sự phân biệt rõ ràng hoạt động hành chính nhà nước với hoạt động tư pháp đã dẫn đến tình trạng không phân biệt được tính đặc thù trong tổ chức, lãnh đạo công tác tư pháp, ngoài ra còn cả trong việc khen thưởng, kỷ luật trong lĩnh vực tư pháp và hoạt động giám sát tư pháp.

- Sự không rành mạch, rõ ràng quyền hạn hành chính và quyền hạn tố tụng trong các Tòa án, từ đó dẫn đến sự can thiệp bằng hình thức chỉ đạo của lãnh đạo Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới trong xét xử các vụ án của Thẩm phán; Chánh án, Phó chánh án lại chỉ đạo cho Thẩm phán, vẽ đường cho hươu chạy.

Từ những nhận thức chưa thật sự đúng đắn đó, cơ chế thực hiện quyền tư pháp ở nước ta còn những sai lệch dù ít, dù nhiều:

- So với thuyết tam quyền phân lập khi đối diện với thể chế về hệ thống tư pháp thì còn nhiều bất cập, ví dụ như cơ quan tư pháp chưa được đặt ngang hàng và độc lập trong khả năng hoạt động của mình.

- Các thiết chế tư pháp được thiết lập còn thiếu hợp lý từ góc độ chức năng, nhiệm vụ; quản lý nhà nước và chính sách đầu tư; đội ngũ cán bộ, nhất là Thẩm phán chưa được xây dựng thật vững mạnh, không chỉ đủ khả năng hoàn thành chức năng thực hiện quyền tư pháp, bảo vệ công lý và tạo nên trong mắt người Dân rằng công lý được bảo vệ, mà còn có bản lĩnh đề độc lập xét xử;

- Vấn đề về thực hiện quyền tư pháp còn rất nhiều rào cản để Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và tuân theo pháp luật.

Thẩm phán, Hội thẩm không được tạo điều kiện để xét xử theo nhận định, lương tâm của mình, mà những thứ đó được xây dựng nên từ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, đạo đức, nghề nghiệp, trải nghiệm cuộc sống và kinh nghiệm hành nghề, v.v. Qua hoạt động xét xử của Thẩm phán còn chịu không ít

sự can thiệp, cụ thể là nhân danh sự lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, điều hành không đúng pháp luật, dựa trên hình thức cậy quyền để ra lệnh, v.v.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" khi xét xử là một nguyên tắc quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án, nguyên tắc được ghi nhận từ rất sớm trong Hiến pháp và pháp luật. Trên thực tế, nguyên tắc này đã được các chủ thể của hoạt động xét xử thực thi khá hiệu quả, đảm bảo hoạt động xét xử của Tòa án được khách quan, đúng pháp luật, hạn chế đến mức tối đa oan sai, thiếu chính xác. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có những biểu hiện của việc làm trái nguyên tắc, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của Tòa án, xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm trên thực tế có thể thấy rằng, việc chưa tuân thủ nguyên tắc *"độc lập khi xét xử"* được biểu hiện khác đa dạng song có thể khái quát ở những biểu hiện chủ yếu sau: Thứ nhất, hoạt động xét xử chủ yếu là hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm chưa phát huy hết quyền năng được giao khi thực hiện nhiệm vụ xét xử. Thứ hai, Thẩm phán và Hội thẩm quá lệ thuộc vào kết quả điều tra ban đầu, tức là lệ thuộc những thông tin, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thứ ba, có sự thống nhất chứng cứ và định hướng trước việc xét xử. Đó là việc họp ba ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án để thống nhất áp dụng tội danh, họp bàn án trong nội bộ cơ quan, tỉnh thị án cấp trên trước khi xét xử. Thứ tư, có sự tác động từ các nhân tố bên ngoài đến hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm.

Tóm lại xuyên suốt chương 2 tập trung nêu lên các vấn đề xoay quanh thực trạng, thực tiễn áp dụng pháp luật của nước ta, từ đó đưa ra được những thành tựu và hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật, đây có lẽ cũng là một điểm yếu chí mạng do nguyên nhân chủ quan và khách quan gây nên được đề cập trong mục *"2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập"*.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUYÊN TẮC ĐỘC LẬP TRONG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

3.1. Nhu cầu hoàn thiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND theo cải cách tư pháp

Thứ nhất, Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một nội dung quan trọng trong Cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bảo đảm thực hiện nguyên tắc này là góp phần "*Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân... nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của toà án nhân dân*".

Thứ hai, các giải pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật phải tiến hành đồng bộ với Cải cách tư pháp, đổi mới hệ thống tư pháp trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ ba, các giải pháp đưa ra phải xuất phát từ điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư, cần có lộ trình phù hợp để đưa ra và thực hiện các biện pháp, bảo đảm cho các giải pháp đó mang tính khả thi cao. Đó là các giải pháp trước mắt đến năm 2030 và các giải pháp tầm nhìn đến năm 2045...

Cuối cùng cần phải lưu ý đến ba điều sau để hoàn thành sứ mệnh cải cách tư pháp của Tòa án:

- Thứ nhất, cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổng thể các quyền và nghĩa vụ pháp lý của Hội thẩm (địa pháp lý), có thể nói chúng ta cần

sửa đổi quy định của pháp luật theo hướng dài hạn, cụ thể là dài hơn so với nhiệm kỳ của Hội thẩm là 7 năm. Trong phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử có thể giảm bớt số lượng Hội thẩm xuống còn một trong các vụ án dân sự, hình sự, hành chính, và đi cùng với một Hội thẩm là hai Thẩm phán (hoặc trong trường hợp đặc biệt có hai hội thẩm và ba thẩm phán). Rõ ràng khi ta làm như vậy đã góp phần đảm bảo tính chuyên nghiệp của cả Thẩm phán và Hội thẩm, từ đó ta tập trung vào vấn đề bổ sung quy định, yêu cầu và đạo đức của Thẩm phán, Hội thẩm hơn, bên cạnh đó còn có thể chỉnh sửa được những bất cập khi nảy sinh ra mối quan hệ với những người tiến hành tố tụng, với những người tham gia tố tụng và trong mối quan hệ hành chính khác..., quy định thêm về cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm đối với Hội thẩm.

Thứ hai, xử lý nghiêm minh các trường hợp xin ý kiến, chỉ thị của cấp trên để giải quyết (thỉnh thị án), duyệt án trước khi xét xử, báo cáo án của Thẩm phán trong hoạt động xét xử; thực tế thì việc trao đổi ý kiến, đường lối của Thẩm phán Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới là thực tế đang diễn ra. Và tất nhiên điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ cấu tổ chức của hệ thống xét xử trở nên không có ý nghĩa, bị chi phối bởi quan điểm cá nhân của một người khác từ đó làm mất đi tính độc lập của Thẩm phán, chất lượng tranh tụng cũng bị giảm sút, quyền bào chữa của công dân không được bảo đảm; phá vỡ các nguyên tắc của hoạt động tư pháp đã được hiến định, ví dụ như: nguyên tắc độc lập xét xử, nguyên tắc bảo đảm tính đại diện của nhân dân trong xét xử, nguyên tắc xét xử tập thể,...; đến đây thì cũng đủ hiểu tại sao “sách vở khác xa thực tế” như vậy, mặc nhiên các nguyên tắc trở nên vô nghĩa, nhân dân bị lép vế do không được tôn trọng.

Giải pháp ở đây để đảm bảo sự công bằng, công khai và minh bạch là phải tách bạch được thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tư pháp giữa tòa án các cấp với nhau, giữa Chánh án và Thẩm phán, phải nêu rõ được trách nhiệm của Thẩm phán trong việc xét xử trái pháp luật sẽ bị kỷ luật một cách nghiêm

minh, cần tăng cường tính chịu trách nhiệm giải trình công khai, minh bạch của Thẩm phán và Hội thẩm trong hoạt động xét xử; độc lập tư pháp cần phải có một tiêu chí đánh giá về trách nhiệm trong hoạt động tư pháp, từ đó góp phần thay đổi tư duy cũng như cách thức nhìn nhận đúng đắn hơn. Thẩm phán cần phải công khai, minh bạch, đặt mình vào một tiêu chuẩn để làm gương, cần nâng cao chất lượng Thẩm phán qua việc thi tuyển, tuyển chọn, bổ nhiệm đúng người, đúng năng lực, lấy tư duy “tre già, măng mọc” tạo điều kiện cho giới trẻ có cơ hội phấn đấu và cống hiến.

Thứ ba, TANDTC nhất thiết phải quan tâm đến công tác tổng kết các vụ án qua thực tiễn xét xử và áp dụng thống nhất pháp luật cho Tòa án nhân dân các cấp lấy đó làm một tài liệu, bài học tham khảo như hành trang cuộc sống, đẩy mạnh cũng như tăng cường công tác tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, các văn bản pháp luật mới được ban hành cho Thẩm phán. Hoàn thiện quy chế quản lý, giám sát đối với Thẩm phán, Hội thẩm trong việc thực thi nhiệm vụ của mình; phải đưa ra được chế tài hành chính cụ thể đối với những trường hợp cụ thể là khi áp dụng pháp luật tùy tiện theo ý chí chủ quan của Thẩm phán và Hội thẩm. Kiện toàn về nhận thức, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, năng lực thực thi, bản lĩnh chính trị của cả Thẩm phán lẫn Hội thẩm, phải tích cực nghiên cứu, chỉnh sửa chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ cho Thẩm phán, Hội thẩm phù hợp với vị trí, vai trò, đặc thù công việc từ đó có thể trang trải cuộc sống, không bị phụ thuộc vào những nguồn thu nhập bên ngoài khác, đây có thể xem là một trong những cách giữ nhân tài, tiềm lực cho đất nước khi đứng trước vấn nạn “chảy máu chất xám” đã và đang diễn ra. Xây dựng theo thang, theo bậc lương riêng cũng là một cách thức để đánh giá được mức độ cống hiến của Thẩm phán, Hội thẩm; việc cần làm hiện tại còn là phải có những biện pháp đảm bảo cho Thẩm phán, Hội thẩm một sức khỏe (tinh thần và cơ bắp), tính mạng và tài sản thực sự tốt, từ đó mới theo đúng tinh thần trong 5 mục tiêu tồn tại bởi mối quan hệ thống nhất: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND

Những giải pháp đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, làm giảm bớt oan sai, tiêu cực từ đó xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều quan trọng cần phải thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử và cần làm tốt những nội dung sau đây:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

- Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó, xác định tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc độc lập trong xét xử của TAND

Trên cơ sở khái quát lý luận, phân tích quan điểm của Đảng, các quy định của pháp luật, đánh giá thực tiễn bảo đảm thực hiện nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật cũng như quán triệt các quan điểm nêu trên, chúng ta có một số kiến nghị về các giải pháp như sau:

- Các giải pháp trước mắt:

+ Quán triệt một cách sâu rộng trong nhân dân, các cơ quan truyền thông, báo chí, đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta về Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; đặc biệt là quy định nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm;

+ Đổi mới nhận thức và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo công tác xét xử đối với các Tòa án nhân dân; hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng chỉ đạo án, báo cáo án, thỉnh thị án; thành lập các ban chuyên án... để không vi phạm nguyên tắc và nâng cao trách nhiệm của Thẩm phán trong xét xử;

+ Nhận thức đúng đắn và đổi mới công tác quản lý Tòa án. Nên chăng, tại Tòa án nhân dân tối cao thành lập Vụ quản lý Tòa án địa phương trực thuộc Chánh án, độc lập với tiến trình tố tụng tư pháp; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng tuyển chọn và giám sát Thẩm phán quốc gia, tránh hình thức và khoán trắng công việc cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; tăng cường sự phối hợp giữa Hội đồng và Vụ quản lý Tòa án nhân dân; tăng cường chức năng giám sát của Hội đồng, nhất là trong thực thi Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử Thẩm phán, trong xử lý kỷ luật Thẩm phán. Thẩm phán chỉ có thể bị xử lý kỷ luật, kể cả việc tạm đình chỉ hoạt động xét xử, tạm dừng tái bổ nhiệm nếu thực sự vi phạm pháp

luật. Cần xem xét một cách khác quan, toàn diện, chặt chẽ, thậm chí ở cấp uỷ cao hơn trường hợp Thẩm phán bị kỷ luật, không được tái bổ nhiệm vì lý do liên quan đến việc xét xử các vụ án...;

+ Tăng cường tập huấn Đạo đức nghề nghiệp cho Thẩm phán, Hội thẩm; nhất là Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử; nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp của Thẩm phán trong xét xử;

+ Nhanh chóng xây dựng bảng lương riêng cho Thẩm phán; chế độ phụ cấp xét xử mới đối với Hội thẩm, góp phần xây dựng Liêm chính trọng hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm;

+ Quy định chế tài, phát hiện, xử lý kỷ luật một số tổ chức, cá nhân có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm gây hậu quả nghiêm trọng để kịp thời rút kinh nghiệm và răn đe các trường hợp tương tự...

+ Đổi mới hoạt động giám sát đối với hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Các cơ quan lập pháp, hành pháp không can thiệp vào việc xét xử các vụ án cụ thể; đổi mới việc chất vấn Chánh án trước Quốc hội; Hội đồng nhân dân không thảo luận, chất vấn trách nhiệm về các vụ án cụ thể đối với các Chánh án Tòa án nhân dân theo pháp luật hiện hành.

- Các giải pháp đến năm 2030:

Tiếp tục thực hiện tinh thần Cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tiến hành sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức hệ thống tư pháp, về tổ tụng tư pháp tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Cụ thể là:

+ Sửa đổi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân để tổ chức Tòa án hoàn toàn theo cấp xét xử, không theo đơn vị hành chính lãnh thổ.

Nghiên cứu thành lập các Tòa án rút gọn, Tòa án giản lược để xét xử các vụ án hình sự ít nghiêm trọng, các tranh chấp có giá trị không lớn với cơ chế lãnh đạo, quản lý phù hợp; hoàn thiện điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán để lựa chọn được đội ngũ Thẩm phán từ nhiều nguồn khác nhau, loại bỏ đặc cách bổ nhiệm không đủ tiêu chuẩn Thẩm phán, nhất là Thẩm phán là lãnh đạo Tòa án các cấp;

Giao việc quản trị Tòa án cho Hội đồng tư pháp quốc gia do Chủ tịch nước đứng đầu và có sự tham gia của các cựu Thẩm phán có kinh nghiệm và uy tín nghề nghiệp; đồng thời, Chủ tịch nước là người bổ nhiệm, kỷ luật Thẩm phán;

Kéo dài nhiệm kỳ của Thẩm phán lên 10 năm hay suốt đời; thay đổi quy chế Thẩm phán, coi Thẩm phán là công chức đặc biệt với chế độ, chính sách đặc thù; Thẩm phán cần được hưởng chế độ miễn trừ cần thiết. Bảo đảm cho Thẩm phán không bị chuyển sang công tác khác, bị hạ bậc lương, bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu không có quyết định của Chủ tịch nước theo đề nghị của Hội đồng tư pháp quốc gia.

+ Sửa đổi Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân theo hướng Viện kiểm sát chỉ thực hành công tố trong các vụ án hình sự, không tham gia các vụ án phi hình sự; kiểm sát hoạt động tư pháp và khởi kiện các vụ án phi hình sự để bảo vệ lợi ích công. Ví dụ: trong các vụ án kinh tế, tham nhũng được đình chỉ theo các căn cứ luật định thì Viện kiểm sát có trách nhiệm khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại cho nhà nước.

** Sửa đổi, hoàn thiện các Luật tổ tụng tư pháp:*

+ Huỷ bỏ việc tham gia tố tụng đối với các vụ án phi hình sự của đại diện Viện kiểm sát;

+ Đổi mới việc tham gia xét xử của Hội thẩm; phân biệt 3 loại vụ án:

a) vụ án đơn giản, rõ ràng, tranh chấp không đáng kể thì được xét xử bằng một Thẩm phán;

b) vụ án hình sự nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, các vụ án phi hình sự khác xét xử bằng một Thẩm phán và hai Hội thẩm;

c) vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng xét xử bằng Thẩm phán và đoàn Hội thẩm;

+ Huỷ bỏ thủ tục án tụng trần, theo đó cần có cơ chế xem xét lại phán quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (vì hiện nay không ai được quyền xem xét lại theo thủ tục tố tụng tư pháp, kể cả Quốc hội).

- Giải pháp tầm nhìn đến năm 2045

Về lâu dài cần hướng tới đến việc sửa đổi Hiến pháp 2013 để hoàn thiện triệt để việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các hướng sau đây:

+ Quy định việc phân công rành mạch, đảm bảo sự cân bằng và kiểm soát hiệu quả các chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp: Quốc hội thực hiện chức năng lập pháp, thực hiện việc điều chỉnh mọi quan hệ xã hội bằng pháp luật, coi pháp luật là tối thượng; Chính phủ thực hiện chức năng hành pháp, tổ chức thi hành pháp luật và quản lý hành chính nhà nước; Tòa án thực hiện chức năng tư pháp.

+ Xem xét lại về mặt lý luận cũng như thực tiễn việc quy định Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền giám sát tối cao đứng trên hành pháp và tư pháp. Chuyển cơ quan Thanh tra chính phủ, Ngân hàng nhà nước từ Chính phủ thành cơ quan trực thuộc của Quốc hội; là công cụ để Quốc hội thực hiện kiểm soát việc thực hiện quyền hành pháp.

+ Chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố thuộc cơ quan hành pháp, thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự.

+ Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, kiểm soát toàn bộ các cơ quan, cá nhân khác trong hoạt động tư pháp. Để thực sự độc lập xét xử và kiểm soát hoạt động lập pháp, Tòa án phải được giao nhiệm vụ giải thích pháp luật...

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Tổng kết lại chương 3, chương này tập trung vào nhu cầu hoàn thiện nguyên tắc trên tinh thần cải cách tư pháp, từ đó đưa ra các giải pháp cơ bản và nâng cao nhằm mục đích tôn vinh giá trị tiêu chí Phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn. Các giải pháp này cần phải xác định phù hợp với yêu cầu của cải cách tư pháp, quan điểm về nhà nước pháp quyền được đề ra trong chủ trương chính sách của Đảng đó là hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng quy định của pháp luật phải rõ ràng, đảm bảo tính chính xác khi áp dụng, các quy định pháp luật phải thống nhất, không mâu thuẫn, không mâu thuẫn với nhau, cần có những quy phạm pháp luật với chế tài nghiêm khắc để xử lý những biểu hiện tác động đến hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm; Không ngừng nâng cao trình độ nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm, nâng cao tinh thần, trách nhiệm và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán; Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, đảm bảo việc xét xử phải thực sự độc lập, không có bất cứ sự ràng buộc làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong hoạt động xét xử; Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật nói chung và ý thức về nguyên tắc độc lập xét xử nói riêng; Nhà nước cần có sự đầu tư quan tâm hơn nữa đến hoạt động xét xử.

KẾT LUẬN

Rõ ràng khi nhìn vào thực tế cuộc sống, với những sự trần trụi chưa có câu trả lời thì kiến thức luôn là mục tiêu số một để giải tỏa những khúc mắc, mông lung. Có người thì tìm đến phố thị phồn hoa, có người lại trốn trong góc nhỏ bình yên nhưng đâu đó trong tâm khảm vẫn nhắc lại ta hơn một lần về một suy nghĩ, một ý tưởng dù là nhỏ nhất. Từ lí do đó bài luận này là sự kết hợp của nhiều tư tưởng lại với nhau, vô hình trung sẽ chạm vào một trong những góc khuất của thể hệ, điểm tích cực và tiêu cực về thể chế, sự lệch lạc và chuẩn chỉnh trong lối sống văn hóa của một bộ phận tầng lớp được ví như “kẻ sĩ tân thời” cũng như “Trâm anh, thế phiệt”,... Tựu chung lại ngoài những điểm còn hạn chế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thì rõ ràng có những mặt tích cực, đổi thay theo hướng toàn diện mang phong thái của người dẫn đầu đưa tổ chức lên tầm cao mới, kiện toàn theo 6 giai đoạn: Triết lí, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, sứ mạng và cống hiến đã và đang là mục tiêu hàng đầu. Đối với vấn đề của Tòa án nhân dân các cấp thì rõ ràng khi đạt được 6 giai đoạn đã nêu thì mới tạo được một môi trường pháp lý vững chắc cho các ngành nghề khác phát triển, đời sống con người được cải thiện, tăng nguồn thu ngoại hối đổ về Việt Nam do chính sách mở cửa và kêu gọi đầu tư; rõ ràng trên mối quan hệ giao thương với các nước khác thì vấn đề giao lưu, trao đổi hàng hóa là một mục tiêu quan trọng nhưng mục đích vẫn là giữ hòa khí và an ninh quốc gia nói riêng và an ninh khu vực nói chung, vậy nên giữ được môi trường pháp lý ổn định, lành mạnh là một bước tiến quan trọng trong việc đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu ở Việt Nam cũng như tạo danh tiếng trên trường quốc tế; trên tinh thần “hòa nhập nhưng không hòa tan” cả ngành Tư pháp nói chung, cơ quan Tư pháp nói riêng trong đó có Tòa án đã áp dụng đúng đắn đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ, đề án chung trên nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thấm nhuần phẩm chất cao đẹp “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, song song

với đó khi ta nhắc đến cán bộ làm bên lĩnh vực Tư pháp ta nhận ra ngay họ đang sống, làm việc và cống hiến với tinh thần trong bức thư gửi đến Hội nghị Tư pháp toàn quốc lần thứ 7 tại Việt Bắc năm 1948. Trong thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Tư pháp là một cơ quan trọng yếu của chính quyền, cho nên càng phải tinh thành đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khác, để tránh những xích mích lẫn nhau, nó có thể vì quyền lợi nhỏ mà hại đến quyền lợi to và chung, cho cả tư pháp và hành chính.

Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” cho nhân dân noi theo”.

Trong bối cảnh sống chung với đại dịch hiện nay vấn đề về tâm lí con người cũng ít nhiều bị ảnh hưởng, nhưng cổ nhân đã có câu: Nhân chi sơ, tính bản thiện; do đó phải thay đổi chính từ gốc rễ chứ không phải đợi lá già tự rụng, nhất là trong tư duy của Thẩm phán và Hội thẩm. Bác Hồ có câu nói “có tài mà không có đức là người vô dụng, còn đức mà không có tài thì làm gì cũng khó”, câu nói đó đã và đang trở thành kim chỉ nam dẫn đường cho thế hệ trẻ ngày hôm qua và hôm nay; để có thể tạo điều kiện cho tre già măng mọc thì một phần to lớn phải nhờ đến công của những người đi trước tạo bước đà, tiền đề cũng như dọn dẹp lại hệ thống tư tưởng bảo thủ, “bế quan tỏa cảng” và cạnh tranh không lành mạnh. Có thể nói bản Hiến pháp năm 2013 đã có đề cập chính xác, có giá trị về Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản tiếng việt:

[1] Bảo đảm nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - PGS. TS. Trần Văn Độ - 2015;

[2] Bộ luật tố tụng dân sự 2015 - Nhà xuất bản lao động - 2015;

[3] Bộ luật tố tụng hình sự 2015 - Nhà xuất bản lao động -2015;

[4] Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán số 87/QĐ-HĐTC ngày 04/7/2018;

[5] Các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013;

[6] Cải cách Tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền - TSKH. Lê cảm - TS.Nguyễn Ngọc Chí (đồng chủ biên) xuất bản 4/2004;

[7] Hiến pháp năm 2013 - Nhà xuất bản tư pháp - 2013;

[8] Luận văn Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật - Hoàng Hồng Phương - 2011;

[9] Montesquieu, Bàn về tinh thần pháp luật, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006;

[10] Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về *Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*;

[11] Nguyễn Đăng Dung, Thể chế Tư pháp trong Nhà nước pháp quyền, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005;

[12] Quyền tư pháp và một số nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền
XHCN VN - Tạp chí tòa án ngày - 2018;

[13] Tòa án độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật - TS. Phạm Văn Lợi
- 2022:

[14] Từ điển tiếng Việt (Ấn bản 2021) - GS. Hoàng Phê - 2021;

[15] Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948 (UDHR);

[16] Trương Hoà Bình, Ngô Cường, *Hệ thống Tòa án của một số nước trên thế giới (Kinh nghiệm cho Việt Nam)*, H. 2014;

[17] Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, XII, XIII;

Danh mục các Website tham khảo:

[1]19 điều đảng viên không được làm: Vì sao cấm đảng viên can thiệp vào hoạt động tư pháp? (vov.vn)

[2]Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Tạp chí Công sản (tapchicongsan.org.vn)

[3]Tám gương đạo đức HCM (toaan.gov.vn)

[4]Giải thích câu nói: “có tài mà không có đức là người vô dụng, còn đức mà không có tài thì làm gì cũng khó” - Wiki Secret

[5] Hiến pháp năm 2013 (thuvienphapluat.vn)

[6]<https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201402/nguyen-tac-tham-phan-doc-lap-thuc-tien-va-phuong-huong-hoan-thien-293770/#:~:text=Th%E1%BB%A9%20nh%E1%BA%A5t%2C%20nguy%C3%>

AAAn%20t%E1%BA%AFc%20th%E1%BA%A9m,c%E1%BA%A5p%20tr%C3%AAAn%2C%20theo%20%C4%91%C3%B3%20khi

[7]<https://luatminhkhue.vn/giai-thich-tinh-doc-lap-cua-tham-phan-trong-hoat-dong-xet-xu-.aspx>

[8]<https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat-thuc-tien-thuc-hien-va-kien-nghi>

[9]<https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/nhan-thuc-ve-nguyen-tac-khi-xet-xu-tham-phan-va-ho-d10-t3614.html?Page=8#new-related>

[10]<http://hcmcbar.org/NewsDetail.aspx?CatPK=4&NewsPK=93>

[11]<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208218>

[12]<http://www.asianlii.org/vn/other/benchbk/341-vn.html>

[13]<https://luatsuhanoi.vn/nguyen-cuu-trao-doi-bai-viet/toa-dam-truc-tuyen-ve-nguyen-tac-doc-lap-xet-xu-cua-tham-phan-va-hoi-tham.html>

[14]<https://luathoangphi.vn/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat/>

[15]<https://luatduonggia.vn/co-so-ly-luan-cua-nguyen-tac-tham-phan-va-hoi-tham-nhan-dan-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat/>

[16]<https://dictionary.cambridge.org/vi/>

[17]<https://moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/ctv/news/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=9>

[18]<https://vietnamnet.vn/tuong-nguyen-thanh-hong-tranh-luan-voi-db-luu-binh-nhuong-ve-ty-le-oan-sai-723590.html>

[19]<https://nld.com.vn/thoi-su/qua-nhieu-van-ban-luat-20201002225023902.htm>

[20]<https://tuoitre.vn/bao-cao-cua-toa-an-vien-kiem-sat-an-oan-giam-dan-theo-tung-nam-20210325101324694.htm>